

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP
VIETNAM PHARMACEUTICAL CORPORATION

Số/No.: 51 /TCTD - KHĐT

V/v công bố Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng
cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty

Dược Việt Nam - CTCP

Re.: *Disclosure of the Minutes and Resolution of
the 2026 Annual General Meeting of Shareholders
of Vietnam Pharmaceutical Corporation - JSC*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

Hanoi, April 21st, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

***DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC PORTAL OF THE
STATE SECURITIES COMMISSION AND THE HANOI STOCK EXCHANGE***

**Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange***

Công ty/ *Company*: **TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP/ *VIETNAM
PHARMACEUTICAL CORPORATION - JSC.***

Trụ sở/ *Head office*: **Số 12 Ngô Tất Tố, P.Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP. Hà Nội/ *No.
12 Ngo Tat To Street, Van Mieu - Quoc Tu Giam Ward, Hanoi***

Điện thoại/ *Telephone*: 02438443151 Fax: 02438443665

Người thực hiện công bố thông tin/ *Person to disclose information*: **Bà HÀN THỊ
KHÁNH VINH - Tổng Giám đốc/ *Ms. HAN THI KHANH VINH - General Director***

Điện thoại/ *Telephone*: 02438443151 Email: vinapharm@vinapharm.com.vn

Loại thông tin công bố/ *Type of information disclosure*:

☒ 24h ☐ 72h Yêu cầu/ *Upon request* ☐ Bất thường/ *Extraordinary* ☐ Định kỳ/ *Periodic*

Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure*: **Biên bản và Nghị
quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP/
*Minutes and Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Vietnam
Pharmaceutical Corporation - JSC.***

Thông tin này cũng được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tại
đường dẫn/ *This information is also disclosed on the website of the Corporation at the
following link: www.vinapharm.com.vn.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify*

that the information disclosed above is true and accurate, and we are fully responsible before the law for the content of the disclosed information.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- CTHĐQT (thay b/c)/ Chairman of the BOD (for reporting purposes);
- Lưu: VT/ Archives.

Người thực hiện công bố thông tin

TỔNG GIÁM ĐỐC

Person to disclose information

GENERAL DIRECTOR



Hàn Thị Khánh Vinh

Địa chỉ: 12 Ngô Tất Tố, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội
Mã số doanh nghiệp: 0100109385

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 10 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại Hà Nội, Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Diễn biến Đại hội như sau:

A. PHẦN KHAI MẠC ĐẠI HỘI

Đại diện Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP thực hiện nghi thức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội, gồm có:

1. Thành phần Khách mời:

Đại hội vinh dự được đón tiếp các vị khách quý:

1.1. Đại diện Bộ Y tế

- PGS.TS, BSCKII, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Tri Thức.
- DSKII Vũ Tuấn Cường, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế.

1.2. Đại diện Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

- Ông Nguyễn Quốc Huy, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc.
- Ông Nguyễn Thế Ngân, Trưởng Ban Kế hoạch Tổng hợp.

1.3. Các khách mời

- Bà Trần Thị Thư, Phó Chủ tịch Thường trực Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam.
- Ông Bùi Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH E&Y Việt Nam.

1.4. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành và Lãnh đạo các Phòng/Bộ phận Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

1.5. Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp; Đại diện Ban Lãnh đạo các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

1.6. Các cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

2. Giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

1. Bà Lưu Quỳnh Mai, Phó Trưởng phòng, phụ trách phòng TCHC : Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình, Chuyên viên Phòng TCHC : Thành viên
3. Ông Nguyễn Trung Kiên, Chuyên viên Phòng Pháp chế : Thành viên

3. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Bà Lưu Quỳnh Mai - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP. Tại thời điểm khai mạc (8 giờ 09 phút ngày 23/4/2026), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP: 237.000.000 cổ phần phổ thông.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 237.000.000 phiếu biểu quyết.
- Số cổ phần phổ thông sở hữu và đại diện sở hữu tại thời điểm khai mạc Đại hội: 217.075.581 cổ phần (tương ứng 91,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty).
- Số phiếu biểu quyết tương ứng: 217.075.581 phiếu biểu quyết (tương ứng 91,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty).

4. Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu:

4.1. Đoàn Chủ tọa:

1. Ông Đinh Xuân Hân, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, Chủ tọa Đại hội.
2. Bà Hàn Thị Khánh Vinh, Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.
3. Ông Đỗ Mạnh Cường, Thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

4.2. Thư ký Đại hội:

1. Bà: Hà Lan Anh, Trưởng phòng Pháp chế, Người phụ trách quản trị, Thư ký Tổng công ty - Trưởng ban
2. Bà: Đinh Thị Trâm Anh, Thư ký Tổng giám đốc - Thành viên

4.3. Ban kiểm phiếu:

1. Ông Bùi Tiến Thảo, Trưởng Bộ phận KTNB - Trưởng ban
2. Ông Phí Ngọc Tú, Chuyên viên Bộ phận KTNB - Thành viên
3. Bà Trần Thị Tuyết Mai, Chuyên viên Phòng Pháp chế - Thành viên

Đoàn chủ tọa, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, cụ thể:

Tổng số phiếu tán thành: 217.608.691 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Số phiếu không bỏ phiếu: 31.400 phiếu biểu quyết.

B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

1. Thông qua Chương trình làm việc và Quy chế Đại hội

Ông Trần Văn Hải, thành viên HĐQT thay mặt Đoàn Chủ tọa thông qua Chương trình và Quy chế Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: 219.252.775 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Số phiếu không bỏ phiếu: 3.982.200 phiếu biểu quyết.

2. Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 – 2026; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2031

Ông Đinh Xuân Hân - Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Báo cáo số 215/TCTD - HĐQT ngày 17/4/2026 Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2031 (Báo cáo kèm theo).

3. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động năm 2025, kết quả hoạt động giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030

Bà Hàn Thị Khánh Vinh - thành viên HĐQT, Tổng giám đốc trình bày Báo cáo số 216/BC - TGD ngày 17/4/2026 của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động năm 2025, kết quả hoạt động giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 (Báo cáo kèm theo).

4. Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban kiểm toán

Ông Đỗ Mạnh Cường - Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán trình bày Báo cáo số 217/TCTD - HĐQT ngày 17/4/2026 của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban kiểm toán (Báo cáo kèm theo).

5. Các Tờ trình: Tờ trình số 218/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v cập nhật, sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP; Tờ trình số 219/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

- Ông Đinh Xuân Hân, Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 218/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v cập nhật, sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP; Tờ trình số 219/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP (Tờ trình kèm theo).

6. Các Tờ trình: Tờ trình số 220/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025; Tờ trình số 221/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v báo cáo thù lao Hội đồng quản trị năm 2025 và thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị 2026; Tờ trình số 222/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026; Tờ trình số 223/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026

6.1. Bà Lữ Thị Khánh Trân - Kế toán trưởng Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP trình bày các Tờ trình: Tờ trình số 220/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025; Tờ trình số 221/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v báo cáo thù lao Hội đồng quản trị năm 2025 và thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị 2026; Tờ trình số 222/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 (Tờ trình kèm theo).

6.2. Ông Đỗ Mạnh Cường, thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT trình bày Tờ trình số 223/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026 (Tờ trình kèm theo).

7. Thảo luận

- Hồi 10 giờ 00 phút Đại hội tiếp tục làm việc với phần hỏi đáp, thảo luận với các cổ đông.

- Ông Đinh Xuân Hân thay mặt Đoàn Chủ tọa điều hành phiên thảo luận. Đoàn Chủ tọa tiếp thu các ý kiến và lần lượt giải đáp các câu hỏi của cổ đông.

- Phần câu hỏi của cổ đông và phần giải đáp từ Đoàn Chủ tọa được ghi nhận tại Phụ lục Hỏi - Đáp đính kèm (Phần này sẽ được cập nhật, công bố thông tin kèm Biên bản và đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty theo quy định).

8. Biểu quyết thông qua các Báo cáo và các Tờ trình

- Ông Đinh Xuân Hân thay mặt Đoàn Chủ tọa xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua các Báo cáo và các Tờ trình.

- Ông Bùi Tiến Thảo - Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu kết quả biểu quyết thông qua các Báo cáo và các Tờ trình tại Đại hội.

- Tại thời điểm biểu quyết:

+ Tổng số cổ phần phổ thông của các cổ đông tham dự/ủy quyền tham dự là: 228.613.178 cổ phần.

+ Số phiếu biểu quyết tương ứng: 228.613.178 phiếu biểu quyết.

+ Số phiếu tham gia biểu quyết: 228.600.978.

+ Số phiếu không bỏ phiếu: 12.200 phiếu biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

TT	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu tán thành	Tổng số phiếu không tán thành	Tổng số phiếu không có ý kiến
1	Báo cáo số 215/TCTD - HĐQT ngày 17/4/2026 Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2031	228.600.978 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

TT	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu tán thành	Tổng số phiếu không tán thành	Tổng số phiếu không có ý kiến
2	Báo cáo số 216/BC - TGD ngày 17/4/2026 của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động năm 2025, kết quả hoạt động giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030	228.600.978 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
3	Báo cáo 217/TCTD - HĐQT ngày 17/4/2026 của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban kiểm toán	228.600.978 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
5	Tờ trình 218/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v cập nhật, sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP	228.600.978 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
7	Tờ trình 219/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP	228.600.978 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
8	Tờ trình 220/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025	228.600.978 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất

TT	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu tán thành	Tổng số phiếu không tán thành	Tổng số phiếu không có ý kiến
		<i>quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</i>	<i>cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</i>	<i>cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</i>
9	Tờ trình 221/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v báo cáo thù lao Hội đồng quản trị năm 2025 và thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị 2026	228.600.978 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
10	Tờ trình 222/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 v/v phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026	228.600.978 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
11	Tờ trình 223/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2026	228.600.978 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

9. Bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031

9.1. Ông Đinh Xuân Hán, Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày và thông qua Tờ trình số 224/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Tổng số phiếu tán thành: 189.984.206 phiếu, chiếm 83,11% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất

cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 38.616.972 phiếu, chiếm 16,89% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Số phiếu không bỏ phiếu: 12.000 phiếu biểu quyết.

9.2. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP (nhiệm kỳ 2026 - 2031) và Danh sách ứng cử viên bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Ông Bùi Tiến Thảo - Trưởng Ban Kiểm phiếu thông qua: (i) Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP (nhiệm kỳ 2026 - 2031) và (ii) Danh sách ứng cử viên bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031:

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT
(NHIỆM KỲ 2026 - 2031)**

TT	Họ và tên ứng viên	Cổ đông/nhóm cổ đông/HĐQT Tổng công ty đề cử
1	Ông Nguyễn Thế Ngân	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước nắm giữ 154.050.000 cổ phần tương ứng 65% cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty
2	Bà Nguyễn Thanh Hoa	
3	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	
4	Ông Hoàng Lê Sơn	Nhóm cổ đông sở hữu 25.887.170 cổ phần tương ứng 10,92% cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.
5	Ông Đỗ Mạnh Cường Ứng viên thành viên độc lập HĐQT	HĐQT Tổng công ty

Tổng số phiếu tán thành: 228.556.574 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Số phiếu không bỏ phiếu: 77.004 phiếu biểu quyết.

10. Công bố kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031

Ông Bùi Tiến Thảo - Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu kết quả bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026 - 2031, kết quả cụ thể như sau:

Tổng số phiếu tham dự bầu cử: 1.143.065.370 phiếu bầu

Tổng số phiếu hợp lệ: 1.143.065.370 phiếu

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

Số phiếu không bỏ phiếu: 102.520 phiếu

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham gia biểu quyết
1	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	257.215.020	112,51%
2	Ông Nguyễn Thế Ngân	250.082.600	109,39%
3	Ông Hoàng Lê Sơn	242.383.010	106,02%
4	Bà Nguyễn Thanh Hoa	213.382.600	93,34%
5	Ông Đỗ Mạnh Cường Ứng viên thành viên độc lập HĐQT	180.002.140	78,74%

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026 - 2031 và Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP, danh sách trúng cử thành viên HĐQT, thành viên độc lập Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026 - 2031 cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham gia biểu quyết
1	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	257.215.020	112,51%
2	Ông Nguyễn Thế Ngân	250.082.600	109,39%
3	Ông Hoàng Lê Sơn	242.383.010	106,02%
4	Bà Nguyễn Thanh Hoa	213.382.600	93,34%
5	Ông Đỗ Mạnh Cường Thành viên độc lập HĐQT	180.002.140	78,74%

11. Thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội

11.1. Bà Hà Lan Anh thay mặt Ban thư ký Đại hội đọc toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

11.2. Đại hội nhất trí thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: 224.650.677 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Số phiếu không bỏ phiếu: 3.982.901 phiếu biểu quyết.

C. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Đinh Xuân Hân thay mặt Đoàn Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 45 phút cùng ngày.



Đỗ Mạnh Cường



Đinh Xuân Hân



Hàn Thị Khánh Vinh

BAN THƯ KÝ



Hà Lan Anh



Đinh Thị Trâm Anh



**PHÚC ĐÁP CỦA ĐOÀN CHỦ TỌA VỚI CÁC CÂU HỎI CỦA CỔ ĐÔNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP**

TT	Câu hỏi của cổ đông	Phúc đáp của Đoàn Chủ tọa
1	<p>Mã cổ đông: 811</p> <p>1. Kết quả kinh doanh hợp nhất của Vinapharm năm 2025 ghi nhận LNTT tăng vọt, 825 tỷ đồng, tăng trưởng 62% so với năm 2024 và tăng 77% so với kế hoạch. Đề nghị Ban lãnh đạo Vinapharm giải thích thêm lý do.</p> <p>2. Đề nghị Vinapharm làm rõ hơn tác động của việc tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam lên 30% đối với hiệu quả đầu tư và kết quả kinh doanh trong thời gian tới.</p>	<p>1. Như đã trình bày tại Mục II Kế hoạch kinh doanh năm 2026 trang 14 của Báo cáo số 216/BC - TGD ngày 17/4/2026 của Ban Tổng Giám đốc: Lợi nhuận hợp nhất năm của Vinapharm năm 2025 tăng cao chủ yếu do phát sinh khoản thu nhập từ chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam (SVN) tại ngày mua với giá trị 385 tỷ đồng, được ghi nhận vào khoản mục lãi từ công ty liên kết trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hoàn tất giao dịch nâng tỷ lệ sở hữu tại SVN từ 15% lên 30%.</p> <p>Đây là khoản thu nhập không mang tính thường xuyên, chỉ phát sinh một lần trong năm 2025, được ghi nhận phù hợp với quy định, chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, đồng thời đã được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Tổng công ty.</p> <p>2. Việc tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại SVN từ 15% lên 30% là một bước đi quan trọng trong lộ trình cơ cấu lại danh mục đầu tư của Tổng công ty, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và chất lượng danh mục đầu tư.</p> <p>Về ngắn hạn, giao dịch này đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025 thông qua việc ghi nhận khoản thu nhập từ lợi thế mua rẻ theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.</p> <p>Về trung và dài hạn, với nền tảng hoạt động hiệu quả và đã nhiều năm mang lại nguồn thu cổ tức lớn, khoản đầu tư này được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào lợi nhuận hợp nhất của Tổng công ty trong các năm tới, đồng thời củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác giữa hai bên.</p>
2	<p>Mã cổ đông: 727</p> <p>1. Đề nghị nêu rõ thời gian trả cổ tức, đề nghị trả cổ tức trong quý 2 để đảm bảo quyền lợi cổ đông.</p> <p>2. Tôi đề nghị nêu rõ thời gian chuyển cổ phiếu lên sàn chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>1. Tổng công ty là công ty đại chúng quy mô lớn, các hoạt động của Tổng công ty tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và bảo vệ lợi ích của cổ đông. Sau Đại hội Tổng công ty sẽ thông báo thời gian chi trả cổ tức đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và cổ đông.</p> <p>2. Câu hỏi về thời điểm chuyển cổ phiếu lên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) luôn là nội dung nhận được sự quan tâm của các cổ đông tại các kỳ Đại hội. Tổng công ty chia sẻ và thấu hiểu mong muốn của các cổ đông về việc cổ phiếu DVN sớm được niêm yết trên sàn HOSE.</p>

TT	Câu hỏi của cổ đông	Phúc đáp của Đoàn Chủ tọa
	<p>3. Tôi xin hỏi hàng năm công ty đều trích quỹ đầu tư và phát triển nhưng không thấy thể hiện tăng vốn chủ sở hữu?</p>	<p>Tổng công ty xây dựng lộ trình đồng nhất đã và đang kiên trì triển khai theo lộ trình phù hợp, có trách nhiệm, qua đó khẳng định cam kết tuân thủ chuẩn mực quản trị hiện đại, nâng cao minh bạch và tối ưu quyền lợi cổ đông. Năm 2025, Tổng công ty triển khai hệ thống ERP tại CPC1; Năm 2026 tiếp tục mở rộng tại Tổng công ty và định hướng áp dụng tại Codupha, Dược Trung ương 3 nhằm xây dựng nền tảng quản trị số đồng bộ, tăng cường kết nối dữ liệu, chuẩn hóa quy trình vận hành và nâng cao năng lực kiểm soát. Đồng thời, đẩy mạnh hoàn thiện mô hình quản trị, chuẩn hóa quy chế nội bộ, nâng cao chất lượng công bố thông tin và quản trị rủi ro theo thông lệ OECD.</p> <p>Trên cơ sở lộ trình nêu trên, Tổng công ty dự kiến thời gian chuyển cổ phiếu DVN lên sàn HOSE không chậm hơn năm 2028 với điều kiện việc triển khai và vận hành chính thức hệ thống ERP đạt kết quả theo kế hoạch.</p> <p>Đây không chỉ là mong muốn của riêng cổ đông đồng thời cũng là mục tiêu của Tổng công ty, tuy nhiên Tổng công ty sẽ cân nhắc thời điểm niêm yết phù hợp, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định với mục tiêu tối đa hóa giá trị cho cổ đông</p> <p>3. Việc trích lập Quỹ đầu tư phát triển không đồng nghĩa với việc làm tăng vốn điều lệ hoặc làm phát sinh thêm vốn chủ sở hữu mới. Đây là nghiệp vụ phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định. Năm 2025 và 2026 Tổng công ty không trích quỹ đầu tư phát triển. Quỹ đầu tư phát triển đã được trích lập trong các năm trước đều được ghi nhận, hạch toán và trình bày theo đúng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành và báo cáo tài chính đã được kiểm toán.</p>
4	<p>Mã cổ đông 1394</p> <p>1. Đề nghị Chủ tọa đoàn cung cấp thông tin cập nhật về hợp tác với Celltrion.</p> <p>2. Năm 2025 ghi nhận những cái bắt tay chiến lược giữa Vinapharm (và CPC1) với các tập đoàn lớn như Celltrion hay Promomed. Điều này cho thấy tham vọng rất lớn của Tổng công ty trong mảng dược sinh học. Xin cho biết lộ trình cụ thể để hiện thực hóa việc chuyển giao công nghệ thay vì chỉ dừng lại ở phân phối thương mại, và TCT đã chuẩn bị nội lực ra sao cho bước ngoặt này?</p>	<p>1. Dược sinh học không chỉ là xu hướng phát triển của ngành dược tại Việt Nam mà còn trên phạm vi toàn cầu. Trong khuôn khổ tham dự đoàn công tác của Thủ tướng Chính phủ tại Hàn Quốc vào tháng 7/2024, Tổng công ty đã ký Biên bản ghi nhớ với Celltrion một trong những tập đoàn dược sinh học hàng đầu thế giới. Do chưa có hệ thống phân phối trực tiếp, Tổng công ty thực hiện phân phối qua các công ty con. Sau quá trình xem xét, đánh giá, CPC1 được lựa chọn là đơn vị phân phối các sản phẩm của Celltrion. Thỏa thuận phân phối độc quyền bốn bên được ký giữa Tập đoàn Celltrion, Celltrion Việt Nam, Tổng công ty và CPC1 vào tháng 9/2025. Đây là bước khởi đầu quan trọng, thể hiện định hướng chiến lược của Tổng công ty trong việc tham gia sâu hơn vào lĩnh vực dược sinh học.</p> <p>Hợp tác giữa Tổng công ty/CPC1 và Celltrion không chỉ dừng lại là một thỏa thuận phân phối, mà còn thể hiện nỗ lực của Tổng công ty trong việc mở rộng khả năng tiếp cận các giải pháp điều trị chất lượng cao tại Việt Nam.</p>

TT	Câu hỏi của cổ đông	Phúc đáp của Đoàn Chủ tọa
		<p>Đến thời điểm này, Tổng công ty xin cập nhật những kết quả thực tế sau: (i) Về triển khai thực tế: CPC1 đã đưa các dòng thuốc dược sinh học điều trị ung thư của Celltrion vào hệ thống bệnh viện thông qua đấu thầu. Kết quả này là minh chứng cho thấy năng lực triển khai quyết liệt, từng bước chuyển hóa các thỏa thuận trên giấy thành sản phẩm thực tế phục vụ công tác điều trị; (ii) Về giá trị cho người bệnh và ngân sách y tế: Việc các sản phẩm của Celltrion được đưa vào sử dụng tại Việt Nam giúp bệnh nhân có thêm lựa chọn các sản phẩm sinh học chất lượng cao, được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế với mức giá cạnh tranh hơn; qua đó góp phần giảm gánh nặng chi phí điều trị, mở rộng khả năng tiếp cận các liệu pháp sinh học, đồng thời nâng cao hiệu quả điều trị và chất lượng cuộc sống cho người bệnh.</p> <p>Lợi ích trên hai phương diện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với người bệnh: Mở rộng cơ hội tiếp cận các phác đồ điều trị tiên tiến. - Với Nhà nước: Góp phần giảm áp lực chi trả cho Quỹ Bảo hiểm y tế, góp phần tối ưu hóa nguồn lực tài chính công. <p>Đây là cơ sở để Tổng công ty tiếp tục thúc đẩy đàm phán nhận chuyển giao công nghệ, hướng tới mục tiêu từng bước làm chủ công nghệ sản xuất dược sinh học nội địa, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu và tiếp tục kéo giảm chi phí điều trị một cách bền vững.</p> <p>Tổng công ty xác định đây không chỉ là định hướng kinh doanh mà còn là cam kết gắn hiệu quả hoạt động với trách nhiệm chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng.</p> <p>2. Tháng 9/2025, trước sự chứng kiến của Bộ trưởng Bộ Y tế Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Y tế Liên bang Nga, Tổng công ty và Tập đoàn Promomed (Liên bang Nga) đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực dược sinh học. Các thỏa thuận với Celltrion và Promomed không chỉ là các hợp đồng thương mại, mà là “giấy thông hành” góp phần đưa Tổng công ty gia nhập chuỗi giá trị dược sinh học toàn cầu.</p> <p>✓ Về kỳ vọng và mức độ sẵn sàng, chúng tôi thực hiện theo lộ trình 3 bước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1 - Tạo lập nền tảng: Thông qua phân phối độc quyền, Tổng công ty tạo doanh thu, xây dựng dữ liệu khách hàng, nắm quy trình bảo quản dược sinh học và củng cố uy tín với đối tác. - Bước 2 - Chuyển giao từng phần: Tổng công ty hướng tới nhận chuyển giao công nghệ đóng gói, dán nhãn tại các nhà máy đạt chuẩn, làm bước đệm tiếp cận kỹ thuật và quy trình kiểm soát chất lượng của đối tác.

TT	Câu hỏi của cổ đông	Phúc đáp của Đoàn Chủ tọa
		<p>- Bước 3 - Nội địa hóa sản xuất: Mục tiêu là xây dựng nhà máy sản xuất dược sinh học tại Việt Nam, tiếp tục tìm kiếm hợp tác với các đối tác Hoa Kỳ, Pháp, Anh... để nhận chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc chất lượng cao tại Việt Nam.</p> <p>✓ Về mức độ sẵn sàng: Tổng công ty đã và đang chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết thông qua hợp tác với các đối tác uy tín, mở rộng kết nối với doanh nghiệp, hiệp hội và cơ quan quản lý tại nhiều quốc gia có ngành dược phát triển. Đây là cơ sở để từng bước nâng cao năng lực tiếp nhận và làm chủ chuyển giao công nghệ, hướng tới phát triển dược sinh học, đưa thuốc chất lượng cao về Việt Nam và từng bước sản xuất trong nước.</p>
5	<p>Mã cổ đông 740</p> <p>1. Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 của Sanofi Việt Nam? Tình hình cạnh tranh của các mặt hàng chủ lực như Calcium corbiere, Lactacyd, Acemuc, gia công Panadol hoạt động thế nào, có rủi ro bị mất mảng gia công không?</p> <p>2. Hiện tại tiến độ của việc phân phối Celltrion đang triển khai đến bước nào và có tiềm năng đóng góp lợi nhuận đáng kể vào lợi nhuận công ty trong tương lai hay không?</p>	<p>1. Đây là ĐHĐCĐ của Tổng công ty Dược Việt Nam, không phải ĐHĐCĐ của Sanofi. Phạm vi thông tin được trao đổi tại Đại hội hôm nay là các nội dung thuộc thẩm quyền công bố, giải trình và chịu trách nhiệm của Tổng công ty. Sanofi Việt Nam là một pháp nhân độc lập, có hệ thống quản trị, quy chế công bố thông tin, nguyên tắc bảo mật thương mại và trách nhiệm pháp lý riêng. Các thông tin như kế hoạch lợi nhuận, chiến lược sản phẩm, tình hình cạnh tranh, hợp đồng gia công, rủi ro mất đơn hàng hoặc định hướng kinh doanh cụ thể của Sanofi Việt Nam đều là thông tin thuộc phạm vi quản trị nội bộ và bảo mật của doanh nghiệp. Tổng công ty không được phép công bố hoặc thay mặt Sanofi Việt Nam trả lời bất kỳ thông tin nào liên quan đến Sanofi Việt Nam hay bất kỳ doanh nghiệp thành viên nào trong ĐHĐCĐ của Tổng công ty.</p> <p>Tổng công ty khẳng định thực hiện nguyên tắc quản trị xuyên suốt đối với các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết hoặc khoản đầu tư có liên quan: Thực hiện theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư và ghi nhận kết quả tài chính theo đúng quy định pháp luật, chuẩn mực kế toán và phạm vi quyền của cổ đông. Những thông tin được phép công bố sẽ được Tổng công ty phản ánh trong báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các tài liệu trình Đại hội theo đúng quy định.</p> <p>2. Quan điểm của Tổng công ty: khi thực hiện phân phối bất kỳ sản phẩm dược phẩm nào, đặc biệt là sản phẩm sinh học, câu hỏi đầu tiên không phải là “lãi bao nhiêu”, mà là sản phẩm đó mang lại lợi ích gì cho người bệnh và đóng góp gì cho ngành dược Việt Nam. Ngành dược là ngành có yêu cầu quản lý chặt chẽ, biên lợi nhuận phân phối nhìn chung không lớn. Vì vậy, chúng ta không nên kỳ vọng hợp tác phân phối dược phẩm sẽ tạo ra mức tăng trưởng lợi nhuận đột biến như một số lĩnh vực kinh doanh khác, mà cần nhìn nhận đây là một hướng đi có giá trị chiến lược, bền vững và dài hạn. Việc các sản phẩm của Celltrion được đưa vào sử dụng tại Việt Nam giúp bệnh nhân có thêm lựa chọn các sản phẩm sinh học chất lượng cao, được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế với</p>

TT	Câu hỏi của cổ đông	Phúc đáp của Đoàn Chủ tọa
		<p>mức giá cạnh tranh hơn; qua đó góp phần giảm gánh nặng chi phí điều trị, mở rộng khả năng tiếp cận các liệu pháp sinh học, đồng thời nâng cao hiệu quả điều trị và chất lượng cuộc sống cho người bệnh.</p> <p>Về hiệu quả kinh doanh: Tổng công ty/CPC1 đã thực hiện đánh giá tổng thể, toàn diện các phương án kinh doanh sản phẩm. Các sản phẩm của Celltrion bắt đầu được tiếp cận các cơ sở y tế tại Việt Nam từ cuối năm 2025; do đó, cần có thêm thời gian để Celltrion mở rộng mức độ hiện diện tại các bệnh viện/cơ sở y tế. Tuy nhiên, với tín hiệu thị trường tích cực và kế hoạch đấu thầu trong thời gian tới, Ban Điều hành đánh giá doanh thu từ nhóm sản phẩm này trong năm 2026 sẽ tăng trưởng khả quan và đóng góp tốt vào kết quả kinh doanh chung của công ty.</p>
	<p>Mã cổ đông 1444</p> <p>1. Kế hoạch thoái vốn các khoản đầu tư kém hiệu quả của công ty trong năm 2026 như thế nào?</p> <p>2. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế quý 1 của Tổng công ty ước tính bao nhiêu tỷ đồng?</p>	<p>1. Tổng công ty nhận thức rõ việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và chất lượng danh mục đầu tư là một yêu cầu trọng tâm trong nhiệm kỳ tới và xác định rõ định hướng tái cơ cấu danh mục theo hướng chọn lọc và hiệu quả. Việc thực hiện thoái vốn tại các khoản đầu tư tùy thuộc vào thời điểm, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và hiệu quả.</p> <p>Trong thời gian qua, Ban Điều hành và Người đại diện vốn của Tổng công ty đã chủ động làm việc với các cổ đông và đối tác tiềm năng nhằm tìm kiếm cơ hội chuyển nhượng phần vốn tại một số doanh nghiệp. Thực tế, đã có những đối tác quan tâm và trao đổi về khả năng nhận chuyển nhượng trên cơ sở các điều kiện thị trường và mức giá phù hợp.</p> <p>Tổng công ty sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá toàn diện danh mục đầu tư, xây dựng phương án tái cơ cấu cụ thể và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Việc triển khai sẽ được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm nguyên tắc minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và tối ưu hóa giá trị phần vốn đầu tư. Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới đặc biệt trong các lĩnh vực có tiềm năng gia tăng giá trị cao, nhằm nâng cao hiệu quả của danh mục đầu tư, tạo tiền đề tăng trưởng trong dài hạn.</p> <p>2. Về lợi nhuận hợp nhất sau thuế quý 1/2026, Tổng công ty sẽ thực hiện công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất theo đúng quy định.</p>
	<p>Đại diện ủy quyền của Mã cổ đông 5</p> <p>Xin ban lãnh đạo cho biết:</p> <p>1. Kế hoạch cổ tức năm 2026 của Dược Việt Nam có thể tăng hay không?</p>	<p>1. Cổ tức chi trả theo lợi nhuận của doanh nghiệp và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Tỷ lệ cổ tức năm 2025 của Tổng công ty là 10% và kế hoạch năm 2026 dự kiến cũng ở mức 10%. Trên cơ sở kết quả kinh doanh và nhu cầu vốn đầu tư từng giai đoạn, chính sách phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức luôn được Tổng công ty cân nhắc trên nguyên tắc hài hòa lợi ích, đảm bảo cân đối giữa nhu cầu tích lũy cho đầu tư phát triển và quyền lợi chính đáng của cổ đông.</p>

TT	Câu hỏi của cổ đông	Phúc đáp của Đoàn Chủ tọa
	<p>2. Sanofi sẽ đóng góp ra sao vào doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới? Kỳ vọng của Tổng công ty về đóng góp của đối tác này vào doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty trong trung và dài hạn?</p> <p>3. Mặc dù lợi nhuận ghi nhận ở mức tích cực, tuy nhiên dòng tiền hoạt động của Tổng công ty vẫn còn tương đối yếu. Vậy Tổng công ty có những giải pháp cụ thể nào để cải thiện chất lượng dòng tiền trong thời gian tới?</p>	<p>Về dài hạn, hiệu quả của hoạt động tái đầu tư là yếu tố cốt lõi để nâng cao năng lực nội tại, mở rộng dư địa tăng trưởng và gia tăng giá trị doanh nghiệp, từ đó bảo đảm và gia tăng lợi ích bền vững tương xứng cho cổ đông.</p> <p>2. Cổ tức của SVN có đóng góp trọng yếu vào dòng tiền của Tổng công ty. Về trung và dài hạn, với nền tảng hoạt động hiệu quả và đã nhiều năm mang lại nguồn thu cổ tức lớn, khoản đầu tư này được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào lợi nhuận hợp nhất của Tổng công ty trong các năm tới, đồng thời củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác giữa hai bên.</p> <p>3. Tổng công ty hoạt động theo mô hình “holding”, không phải một doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trực tiếp. Dòng tiền của Tổng công ty chủ yếu đến từ cổ tức, hiện chủ yếu được gửi tại ngân hàng để bảo toàn vốn và tạo thu nhập tài chính. Nếu không tìm hướng đi mới, chỉ chờ vào cổ tức thì Tổng công ty không thể đạt được mục tiêu tăng trưởng ổn định, bền vững, tăng trưởng hai chữ số như chỉ đạo của Chính phủ. Tổng công ty xác định chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế, ưu tiên nguồn lực cho những dự án có khả năng tạo nên tăng trưởng dài hạn trong đó trọng tâm nhận chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc công nghệ cao tại Việt Nam.</p>
	<p>Mã cổ đông: 35</p> <p>Tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến chỉ đạt 4%/ năm, thua cả lãi suất ngân hàng, thậm chí thấp hơn cả lạm phát dự kiến là 4,5% năm. Cổ phiếu Vinapharm do đó cũng chỉ tăng 4%. Vậy nhà đầu tư có nên đầu tư vào cổ phiếu VINAPHARM hay không?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ tức được chia trên cơ sở kết quả kinh doanh theo báo cáo tài chính riêng, không phải báo cáo tài chính hợp nhất. - Đầu tư vào ngành dược nói chung mang tính dài hạn. Khác với nhiều ngành có thời gian hoàn vốn khoảng 03 - 05 năm, ngành dược, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, chuyển giao công nghệ đòi hỏi thời gian dài hơn để tạo ra hiệu quả tài chính rõ nét. Vì vậy, cổ phiếu ngành dược thường phù hợp hơn với nhà đầu tư dài hạn, ưu tiên sự ổn định, an toàn và tích lũy giá trị theo thời gian, hơn là kỳ vọng tăng trưởng nóng trong ngắn hạn. - 65% vốn điều lệ của Tổng công ty được nắm giữ bởi Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Số lượng cổ phiếu tự do lưu hành trên thị trường không lớn, thanh khoản giao dịch tương đối thấp và cơ cấu cổ đông khá cô đặc. Điều này khiến diễn biến giá cổ phiếu DVN trên thị trường có thể không phản ánh đầy đủ, ngay lập tức giá trị nội tại hay kết quả hoạt động của Tổng công ty. Quyết định có hay không nên đầu tư vào cổ phiếu của Tổng công ty hoàn toàn phụ thuộc vào khẩu vị đầu tư của mỗi cổ đông. Là một công ty đại chúng quy mô lớn, Tổng công ty luôn hoạt động trên cơ sở tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, minh bạch và thận trọng, Tổng công ty không thể can thiệp vào diễn biến giá cổ phiếu trên thị trường.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP ngày 23 tháng 4 năm 2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2031 (*Báo cáo kèm theo*).

Điều 2. Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025, giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 (*Báo cáo kèm theo*).

Điều 3. Thông qua Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán (*Báo cáo kèm theo*).

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 218/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 219/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 220/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 221/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc báo cáo thù lao Hội đồng quản trị năm 2025 và thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị năm 2026 (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 222/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 9. Thông qua Tờ trình số 223/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026 (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 10. Thông qua Tờ trình số 224/TTr - HĐQT ngày 17/4/2026 về việc bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026 – 2031 (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 11. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2026 - 2031:

1. Ông Nguyễn Thế Ngân.
2. Bà Hàn Thị Khánh Vinh.
3. Bà Nguyễn Thanh Hoa.
4. Ông Hoàng Lê Sơn.
5. Ông Đỗ Mạnh Cường, thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Điều 12. Điều khoản thi hành.

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP thông qua với 224.650.677 phiếu, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- SCIC (để b/c);
- UBCKNN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Đinh Xuân Hân

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ NHIỆM KỲ 2021 - 2026
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026 VÀ NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Căn cứ các quy định của pháp luật liên quan, quy định tại Điều lệ của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP, Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông: (1) Đánh giá các mặt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026; (2) Kế hoạch hoạt động năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 – 2031 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP như sau:

A. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ NHIỆM KỲ 2021 - 2026

I. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025

TT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện
I	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2025	
1	Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025	
1.1	Báo cáo tài chính riêng	
1.1.1	Tổng doanh thu: 327 tỷ đồng	Tổng doanh thu đạt 342 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch.
1.1.2	Lợi nhuận trước thuế: 273 tỷ đồng	Lợi nhuận trước thuế đạt 275 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch.
1.2	Báo cáo tài chính hợp nhất	
1.2.1	Tổng doanh thu: 5.970 tỷ đồng	Tổng doanh thu đạt 5.952 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.
1.2.2	Lợi nhuận trước thuế: 465 tỷ đồng	Lợi nhuận trước thuế 825 tỷ đồng, đạt 177% kế hoạch.
2	Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024	
2.1	Chi trả cổ tức: 237 tỷ đồng	Đã thực hiện.
2.2	Trích Quỹ đầu tư phát triển: 0 tỷ đồng	Đã trích lập các Quỹ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2.3	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng của cán bộ quản lý: 3,1 tỷ đồng	
3	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.	Đã thực hiện.
4	Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT năm 2025	Đã thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
5	Ủy quyền HĐQT lựa chọn 01 (một) trong 04 (bốn) Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025	Ngày 21/7/2025, Tổng công ty đã ký Hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo tài chính năm 2025
II	LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN	

<p>1. Chấp thuận việc Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP cấp thư bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 theo Thỏa thuận phân phối độc quyền được ký giữa Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 với Tập đoàn Celltrion (Hàn Quốc) và Công ty TNHH Celltrion Việt Nam (“Thỏa thuận phân phối độc quyền”), bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ, phạt do chậm thanh toán, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh từ nghĩa vụ thanh toán của CPC1 theo Thỏa thuận phân phối độc quyền, với điều kiện tổng nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng liên tiếp trong mọi trường hợp không vượt quá giá trị vốn góp của chủ sở hữu của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP tại CPC1 được ghi nhận trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh.</p> <p>2. Giao Tổng Giám đốc Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP trao đổi, đàm phán, quyết định, ký kết và thực hiện các văn bản, thỏa thuận có liên quan đến việc cấp bảo lãnh thanh toán cho các nghĩa vụ thanh toán của CPC1 bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ liên quan đến khoản phạt do chậm thanh toán, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và các trách nhiệm tài chính khác được quy định trong Thỏa thuận phân phối được ký giữa Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 với Tập đoàn Celltrion (Hàn Quốc) và Công ty TNHH Celltrion Việt Nam</p>	<p>Thỏa thuận bảo lãnh giữa Tổng công ty và CPC1 đã ký ngày 17/9/2025. Kể từ thời điểm ký Thỏa thuận bảo lãnh đến nay, chưa phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định.</p>
---	--

II. Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2025

1. Các Nghị quyết/Quyết định HĐQT đã ban hành trong năm 2025

Năm 2025 Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp HĐQT và thực hiện việc lấy ý kiến bằng văn bản các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT; ban hành 109 Nghị quyết và 16 Quyết định liên quan để quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Các nội dung chính được thông qua bao gồm:

- Trả lời báo cáo xin ý kiến của người đại diện vốn.
- Ủy quyền người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty.
- Miễn nhiệm, bổ nhiệm Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội và kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025.
- Các nghị quyết thực hiện việc tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam lên 30%.
- Giao dịch giữa Tổng công ty với bên có liên quan.

Báo cáo chi tiết về số lượng các cuộc họp HĐQT, các nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2025 được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP số 043/TCTD - HĐQT ngày 29/01/2026; Báo cáo này đã được công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định.

2. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm được giao, cụ thể:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự/ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, trả lời phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và theo quyết định của Hội đồng quản trị về việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT với Tổng Giám đốc và các cán bộ điều hành khác

Thông qua cơ chế giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Hội đồng quản trị thông qua báo cáo trực tiếp của Ban điều hành tại các cuộc họp HĐQT và báo cáo bằng văn bản đã nắm rõ tình hình hoạt động của Tổng công ty, từ đó kịp thời đưa ra chủ trương, chính sách phát triển phù hợp, đồng thời thảo luận, quyết định các giải pháp và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành Tổng công ty.
- Hội đồng quản trị đã thảo luận nghiêm túc và quyết nghị tất cả các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển Tổng công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, theo các tờ trình và đề xuất của Tổng Giám đốc.
- Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và người lao động.
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời đúng quy định.

4. Tiền lương, thù lao của HĐQT năm 2025

Trong năm 2025, việc chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều 8 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP tổ chức ngày 21/4/2025, cụ thể:

Tiền lương

- Ông Đinh Xuân Hân, Chủ tịch HĐQT: 1.200.000.000 đồng.
- Bà Hàn Thị Khánh Vinh, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: 1.200.000.000 đồng.

Thù lao

- Ông Trần Đức Hùng, Phó Chủ tịch HĐQT¹: 54.130.435 đồng.
- Ông Nguyễn Tiến Dũng, Phó Chủ tịch HĐQT²: 125.869.565 đồng.
- Ông Đỗ Mạnh Cường, Thành viên độc lập HĐQT: 180.000.000 đồng
- Bà Hàn Thị Khánh Vinh, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: 120.000.000 đồng

¹ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Trần Đức Hùng kể từ ngày 21/4/2025.

² ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã bầu Ông Nguyễn Tiến Dũng là thành viên HĐQT kể từ ngày 21/4/2025.

- Ông Trần Văn Hải, Thành viên HĐQT: 120.000.000 đồng.

(**Ghi chú:** Thù lao của Ông Trần Đức Hùng, Ông Nguyễn Tiến Dũng được Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP chuyển về tài khoản của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) theo Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của SCIC).

5. Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của công ty hoặc giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của Tổng công ty được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP số 043/TCTD - HĐQT ngày 29/01/2026; Báo cáo đã được công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định.

6. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán (UBKT) trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm 2025

Trong năm 2025, UBKT đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty; Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Tổng công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

UBKT đã phối hợp với Bộ phận KTNB trong các công tác kế hoạch kiểm toán nội bộ, thông qua và tham dự các cuộc họp cần thiết liên quan đến kết quả kiểm toán

Ngoài ra, UBKT đã thực hiện đánh giá chất lượng các cuộc kiểm toán và thực hiện các hoạt động nhằm kiện toàn công tác nhân sự của KTNB; Lên kế hoạch và thực hiện họp UBKT; Tham vấn các nội dung chuyên môn với các báo cáo kiểm toán nội bộ; và tham vấn và thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ thường niên.

III. TỔNG KẾT NHIỆM KỲ HĐQT 2021 - 2026

1. Thông tin về thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ/(thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ TV HĐQT không điều hành/TV HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
I	Từ 21/6/2021 – 30/6/2023			
1	Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	21/6/2021	30/6/2023
2	Ông Đinh Xuân Hân	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	21/6/2021	
3	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	21/6/2021	
4	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	21/6/2021	

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ/(thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ TV HĐQT không điều hành/TV HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
5	Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT không điều hành	21/6/2021	
6	Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	30/6/2023	
II Từ 30/6/2023 – 23/4/2024				
1	Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT	21/6/2021 Từ 30/6/2023 được bầu giữ chức danh Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	30/6/2023	
3	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	21/6/2021 Từ 30/6/2023 được HĐQT bổ nhiệm giữ chức danh Tổng Giám đốc	
4	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	21/6/2021	23/4/2024
5	Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	21/6/2021	23/4/2024
6	Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT	30/6/2023	
III Từ 23/4/2024 – 21/4/2025				
1	Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT	21/6/2021 Từ 30/6/2023 được bầu giữ chức danh Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT Không điều hành Thành viên Ủy ban kiểm toán	30/6/2023	21/4/2025
3	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	21/6/2021 Từ 30/6/2023 được HĐQT bổ nhiệm giữ chức danh Tổng Giám đốc	

10
CỘ
UỘ
T N
PH

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ/(thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ TV HĐQT không điều hành/TV HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
4	Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	23/4/2024	
5	Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT Không điều hành	30/6/2023	
IV Từ 21/4/2025 – Nay				
1	Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT	21/6/2021 Từ 30/6/2023 được bầu giữ chức danh Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT Không điều hành Thành viên Ủy ban kiểm toán	21/4/2025	
3	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	21/6/2021 Từ 30/6/2023 được HĐQT bổ nhiệm giữ chức danh Tổng Giám đốc	
4	Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên độc lập HĐQT Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	23/4/2024	
5	Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT Không điều hành	30/6/2023	

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản trị, giám sát và tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 triển khai hoạt động trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề chưa từng có tiền lệ, vượt ra ngoài khả năng dự báo, tác động mạnh đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là đại dịch Covid – 19, căng thẳng địa chính trị, xung đột vũ trang tại một số khu vực, chính sách thuế quan của Hoa Kỳ, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo, ... đã tạo ra nhiều thách thức đối với hoạt động của Tổng công ty.

Trong bối cảnh đó, ngành Dược tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước thông qua việc ban hành hàng loạt các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật định hướng phát triển ngành theo hướng hiện đại, bền vững và tự chủ đáp ứng nhu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; Môi trường kinh tế vĩ mô trong nước ổn định, nhu cầu chăm sóc sức khỏe tiếp tục gia tăng. Đây là những yếu tố nền tảng tạo điều kiện thuận lợi để HĐQT chủ động trong việc định hướng, tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, HĐQT đã tập trung kiện toàn bộ máy quản trị, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, tổ chức họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HĐQT luôn bám sát Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên HĐQT tham dự hoặc ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp, xem xét các tờ trình, báo cáo của Tổng Giám đốc, ban hành nghị quyết và quyết định làm cơ sở cho việc tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

2.1. Về kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2021 - 2026

HĐQT đã thực hiện giám sát chặt chẽ việc triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm, bao gồm các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như: Kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, việc chi trả cổ tức, trích lập các quỹ, lựa chọn đơn vị kiểm toán, sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty,...

Trong giai đoạn 2021-2025, tổng nguồn vốn và vốn chủ sở hữu duy trì mức tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) lần lượt là 6,9%/năm và 7,7%/năm. Tổng công ty thực hiện tốt việc bảo toàn vốn Nhà nước tại Tổng công ty và đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp thành viên.

(Chi tiết kết quả kinh doanh nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2026; kế hoạch hoạt động năm 2026 và định hướng giai đoạn 2026 - 2031)

2.2. Về công tác quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp

Một trong các trọng tâm xuyên suốt của nhiệm kỳ HĐQT 2021 - 2026 là thực hiện quản lý, giám sát phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp. HĐQT đã chủ động, kịp thời chỉ đạo người đại diện phần vốn thực hiện biểu quyết, đóng góp ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT doanh nghiệp.

Công tác quản lý phần vốn được triển khai thực hiện theo hướng tăng cường kiểm soát, minh bạch và hiệu quả, giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động, tài chính và quản trị của các doanh nghiệp có vốn góp, kịp thời đưa ra các chỉ đạo, định hướng, góp phần bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và nâng cao năng lực quản trị rủi ro toàn hệ thống.

2.3. Triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2023 - 2027

Trên cơ sở Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2023 - 2027 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, HĐQT đã chỉ đạo triển khai đồng bộ các nội dung của Đề án; Kết quả thực hiện như sau:

2.3.1. Về bộ máy tổ chức và quản trị:

Năm 2024 Tổng công ty đã thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động theo hướng tinh gọn, phù hợp quy định của pháp luật và thông lệ quản trị hiện đại, bao gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT và Tổng Giám đốc, có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT và 01/05 thành viên HĐQT là thành viên độc lập; Thành lập UBKT gồm 02 thành viên trong đó thành viên độc lập HĐQT là Chủ tịch UBKT.

Quản trị công ty tiếp tục được xác định là mục tiêu trung tâm và ưu tiên hàng đầu trong định hướng phát triển bền vững của Tổng công ty cũng như các công ty con. Bên cạnh việc không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị của Tổng công ty, HĐQT đã chỉ đạo người đại diện

vốn của Tổng công ty phối hợp với Ban Lãnh đạo các công ty con triển khai thực hiện tái cơ cấu, tổ chức lại lao động nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

2.3.2. Chậm dứt hoạt động Trung tâm DVTM Dược Mỹ phẩm và Trung tâm nghiên cứu và Phát triển KHCN Dược do hoạt động không hiệu quả.

2.3.3. Về hợp tác quốc tế:

Tổng công ty tích cực, chủ động tìm kiếm và mở rộng cơ hội hợp tác với các công ty/tập đoàn lớn trong lĩnh vực dược/dược sinh học trên thế giới nhằm tiếp cận công nghệ tiên tiến, đa dạng hóa danh mục sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường với mục tiêu: (i) Tìm kiếm các đối tác hợp tác đầu tư, xây dựng nhà máy sản xuất các loại thuốc công nghệ cao và/hoặc các sản phẩm dược sinh học, tương tự sinh học tại Việt Nam; (ii) Tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất đối với các thuốc phát minh còn bản quyền, thuốc chuyên khoa đặc trị, thuốc generic có dạng bào chế công nghệ cao để sản xuất tại Việt Nam; (iii) Hợp tác phân phối các sản phẩm dược phẩm tại thị trường Việt Nam.

Tổng công ty đã hoàn thành việc tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam (SVN) lên 30%; Hiện thực hóa Biên bản thỏa thuận ký giữa Tổng công ty và Tập đoàn Celltrion – tập đoàn dược sinh học hàng đầu Hàn Quốc với việc ký Thỏa thuận phân phối độc quyền các sản phẩm của Celltrion tại thị trường Việt Nam thông qua Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - công ty con của Tổng công ty.

2.3.4. Tái cơ cấu các danh mục đầu tư:

Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết và công ty có vốn đầu tư khác vẫn được giữ nguyên như tại thời điểm đề án tái cơ cấu được ĐHQĐ thường niên 2024 thông qua.

Định hướng tái cơ cấu các khoản đầu tư của Tổng công ty bao gồm việc tăng, duy trì tỷ lệ sở hữu, thoái vốn được xây dựng trên cơ sở những thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, quản trị điều hành tại các công ty vào thời điểm đánh giá. Trong quá trình triển khai, căn cứ biến động trọng yếu, thực tế phát sinh tại các công ty, Tổng công ty chủ động rà soát, xác định lộ trình phù hợp nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển của Tổng công ty, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát rủi ro đầu tư.

Đối với danh mục các khoản đầu tư được định hướng thoái vốn, Tổng công ty đã chủ động tiếp xúc, tìm kiếm các cổ đông, đối tác có nhu cầu nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty. Cổ đông, nhà đầu tư của một số công ty đã bày tỏ sự quan tâm và sẵn sàng nhận chuyển nhượng cổ phiếu của Tổng công ty nếu đạt được thỏa thuận về mức giá phù hợp. Tuy nhiên, trên cơ sở nguyên tắc bảo tồn vốn, cân nhắc thận trọng các yếu tố thị trường và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, việc thoái vốn tiếp tục được cân nhắc, đánh giá kỹ lưỡng, thận trọng nhằm đảm bảo hiệu quả, hạn chế rủi ro và bảo vệ tối đa lợi ích của cổ đông.

3. Hạn chế, tồn tại

Bên cạnh các kết quả đạt được, HĐQT nhiệm 2021 - 2026 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Sự biến động trong kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm 2021 - 2025 phản ánh mức độ nhạy cảm của Tổng công ty trước các yếu tố khách quan như biến động thị trường và giá trị danh mục đầu tư; Bên cạnh đó, sự khác biệt về năng lực và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp ảnh hưởng đến kết quả chung của Tổng công ty.

Việc đầu tư xây dựng hệ thống phân phối chưa được triển khai như kế hoạch đề ra. Tháng 9/2020, Người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng công ty đã báo cáo xin ý kiến Bộ Y

tế phê duyệt Đề án phát triển hệ thống phân phối thuốc, tuy nhiên Đề án chưa được Bộ Y tế phê duyệt. Sau đó, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tháng 6/2023, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Y tế sang SCIC.

Đầu tư xây dựng hệ thống phân phối thuốc được xác định là nhiệm vụ cần được triển khai thận trọng, có lộ trình và đảm bảo hiệu quả đầu tư. Trong thời gian qua, Tổng công ty đã, đang tích cực triển khai các hoạt động đàm phán và làm việc với nhiều công ty, tập đoàn đa quốc gia nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác trong lĩnh vực phân phối sản phẩm có chất lượng cao, hiệu quả điều trị và giá cả hợp lý tại thị trường Việt Nam. Đây được xem là bước chuẩn bị quan trọng, tạo tiền đề cho việc xây dựng và phát triển hệ thống phân phối đồng bộ, đáp ứng định hướng mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn tới.

Về việc phát triển vùng dược liệu: Xây dựng và phát triển vùng dược liệu là một trong những định hướng dài hạn, có ý nghĩa quan trọng trong việc chủ động nguồn nguyên liệu và gia tăng giá trị của chuỗi sản xuất, kinh doanh dược phẩm, đồng thời phù hợp với mục tiêu được nêu tại Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Việc phát triển vùng dược liệu đòi hỏi sự đồng bộ về cơ chế, chính sách, quy hoạch vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng và xây dựng chuỗi liên kết chặt chẽ giữa các bên liên quan.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn diện các điều kiện thực tế và định hướng phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay, Tổng công ty xác định chưa ưu tiên triển khai nội dung phát triển vùng dược liệu, tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, phù hợp định hướng của Tổng công ty và bối cảnh thị trường trong giai đoạn mới.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026 VÀ NHIỆM KỲ 2026 - 2031.

I. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2031

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2025		KH 2026		So với TH năm trước (%)	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	341.958	5.951.958	369.443	6.202.404	108%	104%
2	Lợi nhuận trước thuế	274.574	824.782	302.945	505.626	110%	61%

2. Chỉ tiêu kế hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031

Dự kiến chỉ tiêu kế hoạch đến hết năm 2030 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH 2026		KH 2030		CAGR (%)	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	369.443	6.202.404	480.580	7.128.509	7%	4%
2	Lợi nhuận trước thuế	302.945	505.626	384.912	594.637	6%	4%

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN THỰC HIỆN

1. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

2. Tập trung các nguồn lực, áp dụng chuyển đổi số để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác điều hành, quản trị của Tổng công ty;

3. Chủ động triển khai các công việc theo lộ trình niêm yết cổ phiếu DVN trên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

4. Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2023 - 2027 nêu tại Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23/4/2024.

5. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp; hoàn thiện và tăng cường cơ chế giám sát, đánh giá và kiểm soát theo hướng chặt chẽ, minh bạch và trách nhiệm giải trình, qua đó đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền cổ đông của Tổng công ty, nâng cao hiệu quả quản lý vốn và tối ưu giá trị đầu tư của Tổng công ty.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế theo hướng thực chất, hiệu quả, tập trung vào hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy, nhận chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc công nghệ cao và phân phối sản phẩm, trong đó nhận chuyển giao công nghệ được xác định là chiến lược quan trọng, không chỉ nhằm nâng cao năng lực sản xuất và từng bước làm chủ công nghệ mà còn tạo tiền đề để Tổng công ty phát triển những dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao, qua đó nâng cao vị thế trên thị trường dược phẩm và hướng tới phát triển bền vững.

7. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ quản trị hiện đại, hướng tới tiệm cận chuẩn mực Bộ nguyên tắc Quản trị công ty G20/OECD; đồng thời tiếp tục tăng cường thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

8. Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, đảm bảo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch năm 2026, mục tiêu nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Tiếp nối những kết quả đạt được trong năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026, trong các năm tiếp theo Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục củng cố năng lực quản trị, phát huy vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động kinh doanh, đưa ra các giải pháp trọng tâm phù hợp và linh hoạt trong từng giai đoạn, thời điểm, hướng tới hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh, đáp ứng sự phát triển của Tổng công ty và sự mong đợi của các Cổ đông.

Chúng tôi tin tưởng rằng cùng với sự đồng thuận, nhất trí cao của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ, nhân viên Tổng công ty sẽ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 với mục tiêu phát triển bền vững và hiệu quả, “vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình” cùng đất nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin gửi tới Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, thành đạt và lời cảm ơn chân thành vì sự tin tưởng, đồng hành của Quý cổ đông với Tổng công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY
DƯỢC
VIỆT NAM
Đinh Xuân Hân

**BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2025 VÀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. Tình hình chung

Năm 2025, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi tích cực và toàn diện sau đại dịch. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2025 tăng 8,02%¹, vượt mức tăng trưởng của năm 2024 và tiếp tục duy trì vị thế là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực Đông Nam Á. Các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; lạm phát được kiểm soát trong giới hạn mục tiêu; thị trường tiền tệ, tài chính duy trì ổn định, qua đó tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và phát triển sản xuất.

Theo báo cáo của Cục Quản lý Dược, Việt Nam hiện thuộc nhóm các thị trường dược phẩm có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực châu Á, với sản xuất thuốc trong nước duy trì mức tăng trung bình từ 12 - 15%/năm. Cơ cấu thị trường tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, giá trị thuốc sản xuất trong nước chiếm khoảng 70% về số lượng và gần 50% về giá trị sử dụng.

Năng lực sản xuất trong nước cơ bản đã đáp ứng đầy đủ 13/13 nhóm thuốc thiết yếu và 10/12 loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng. Cả nước hiện có 242 nhà máy sản xuất thuốc của 205 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP); có 67 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu thuốc và nguyên liệu làm thuốc, với tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt khoảng 312 triệu USD. Thị trường Dược phẩm Việt Nam năm 2025 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng với tổng giá trị đạt 234,8 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2024²; trong đó, kênh bán lẻ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với mức tăng 7%, trong khi kênh bệnh viện chỉ tăng 3% - thấp hơn đáng kể so với mức 9% của năm 2024. Xét theo cơ cấu thị trường, phân khúc ETC vẫn giữ vai trò chủ đạo, chiếm khoảng 68% doanh thu toàn thị trường. Đáng chú ý, thuốc biệt dược gốc ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, đạt 10% - vượt xa mức tăng 3% của nhóm generic. Bên cạnh đó, vắc-xin tiếp tục là một trong những nhóm tăng trưởng nổi bật, đặc biệt ở nhóm vắc-xin vi rút và vắc-xin vi khuẩn.

Về lĩnh vực chuyển giao công nghệ, theo thông tin từ Cục Quản lý Dược, số sản phẩm nhận chuyển giao từ các tập đoàn dược phẩm đa quốc gia tăng mạnh so với thời điểm trước năm 2022, với gần 40 biệt dược gốc đã và đang được chuyển giao trong ba năm gần đây.

Tuy nhiên, theo đánh giá, ngành Dược trong nước hiện vẫn đang đối mặt ba nút thắt lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh và triển vọng phát triển bền vững:

¹ Báo cáo số 01/BC-CTK ngày 05/01/2026 Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2025 của Cục Thống kê.

² Theo báo cáo Quý 4 năm 2025 của IQVIA.

- Năng lực cạnh tranh và tính bền vững của sản xuất thuốc trong nước còn hạn chế; nhiều cơ sở vẫn chủ yếu đầu tư vào các dây chuyền sản xuất các dạng bào chế đơn giản, mức độ ứng dụng công nghệ cao còn thấp, đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển chưa tương xứng với nhu cầu đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng.

- Khoảng 90%³ nguyên liệu làm thuốc vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu. Công nghiệp hóa chất và hóa dược trong nước chưa phát triển tương xứng, thiếu nền tảng công nghệ và hệ sinh thái hỗ trợ đồng bộ.

- Nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực chuyên sâu như dược lâm sàng, R&D, kiểm nghiệm thuốc còn thiếu. Mặt khác, nhiều công ty dược nước ngoài chủ yếu mới dừng ở hoạt động xuất khẩu sản phẩm hoặc nhượng quyền thương mại, chưa thực sự chuyển giao công nghệ cốt lõi cho phía Việt Nam, hạn chế khả năng nâng cao trình độ công nghệ và năng lực nội địa hóa của ngành Dược Việt Nam.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Kết quả kinh doanh

1.1. Theo báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	So sánh (%)	
					TH 2024	KH 2025
1	Tổng doanh thu	314.586	326.661	341.958	109%	105%
2	Lợi nhuận trước thuế	245.768	272.950	274.574	112%	101%

Năm 2025, tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế theo báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty đều tăng trưởng so với cùng kỳ và hoàn thành tốt kế hoạch đề ra; trong đó, tổng doanh thu đạt 342 tỷ đồng, tăng 9% so với thực hiện năm 2024 và vượt 5% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 275 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ và hoàn thành kế hoạch được giao.

1.2. Theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	So sánh (%)	
					TH 2024	KH 2025
1	Tổng doanh thu	5.812.218	5.970.246	5.951.958	102%	100%
2	Lợi nhuận trước thuế	509.232	465.131	824.782	162%	177%

Năm 2025, tổng doanh thu theo báo cáo tài chính hợp nhất đạt 5.952 tỷ đồng, tăng 2% so với kết quả thực hiện năm 2024 và hoàn thành kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 825 tỷ đồng, tăng 62% so với cùng kỳ năm trước và vượt 77% so với kế hoạch đề ra.

Như vậy lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng trong năm 2025 đều tăng trưởng ở mức 2 con số.

³ Nguồn: https://moh.gov.vn/su-kien-y-te-noi-bat/-/asset_publisher/8EeXRtRENhb6/content/nganh-duoc-viet-nam-but-pha-hien-thuc-hoa-chien-luoc-quoc-gia-huong-toi-trung-tam-san-xuat-duoc-pham-gia-tri-cao-cua-khu-vuc

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Công tác quản lý vốn đầu tư và người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp

- Thực hiện quản lý phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp theo đúng các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế quy định của Tổng công ty, bảo đảm nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường công tác phối hợp, hỗ trợ và nâng cao mức độ gắn kết giữa Tổng công ty với người đại diện vốn và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị, giám sát và hiệu quả hoạt động của các khoản đầu tư.

- Hoàn thành việc tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam từ 15% lên 30% vào Quý 4/2025.

2.2. Về việc thực hiện Đề án tái cơ cấu

2.2.1. Về cơ cấu tổ chức quản lý

Chuyển đổi số và chuyển đổi xanh là xu hướng tất yếu, đồng thời là thành tố quan trọng trong quản trị doanh nghiệp hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả hoạt động. Trong năm 2025, Tổng công ty đã thành lập phòng Công nghệ thông tin với mục tiêu nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, chuẩn hóa môi trường số, từng bước tăng cường và khai thác hiệu quả việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản trị, điều hành, nhằm tối ưu hóa năng suất lao động, giảm thiểu sai sót.

2.2.2. Về công tác nhân sự và đào tạo

Tổng công ty xác định đào tạo là công tác trọng tâm trong quản trị nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, đảm bảo cán bộ nhân viên được cập nhật kịp thời các xu hướng, quy định pháp luật, văn bản quản lý và kiến thức chuyên môn phục vụ yêu cầu quản trị, điều hành trong giai đoạn phát triển mới. Trong năm 2025, Tổng công ty đã tổ chức một số chương trình đào tạo cho các nhân sự của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, trong đó tập trung vào các nội dung như: Nâng cao năng lực quản lý, phát triển đội ngũ nhân sự kế cận và Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công việc nhằm hỗ trợ nâng cao hiệu quả lao động và năng suất làm việc.

Trong năm 2025, Tổng công ty tiếp tục từng bước triển khai công tác kiện toàn đội ngũ nhân sự. Tuy nhiên, công tác tuyển dụng các vị trí quản lý cấp cao và cấp trung vẫn gặp nhiều khó khăn, xuất phát từ yêu cầu cao về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, mức độ phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của Tổng công ty, đồng thời chịu tác động mạnh từ tính cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường lao động đối với nguồn nhân lực chất lượng cao.

Bên cạnh đó, Tổng công ty chú trọng công tác phát hiện, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận từ nguồn nội bộ, gắn công tác đào tạo với lộ trình phát triển và bổ nhiệm chức danh quản lý, bảo đảm tính kế thừa, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp và điều hành hoạt động của Tổng công ty trong trung và dài hạn.

2.2.3. Về công tác quản trị doanh nghiệp

Tổng công ty xác định quản trị công ty là trọng tâm xuyên suốt và ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững, giữ vai trò quyết định đối với hiệu quả sử dụng vốn, năng lực quản trị rủi ro, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đồng thời góp phần

củng cố uy tín và vị thế của doanh nghiệp trên thị trường vốn. Trên cơ sở đó, Tổng công ty chủ động chuyển đổi từ tư duy tuân thủ thụ động sang tuân thủ chủ động, từng bước hoàn thiện mô hình quản trị theo các nguyên tắc quản trị tốt và tiệm cận thông lệ quốc tế.

Trong năm 2025, Tổng công ty đã định hướng và chỉ đạo người đại diện phần vốn chủ động tham gia, đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cũng như với các cổ đông lớn/cổ đông nắm quyền chi phối tại doanh nghiệp nhằm thúc đẩy việc tuân thủ pháp luật, áp dụng các thông lệ quản trị tốt và duy trì việc đăng ký giao dịch, niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán; đồng thời, Tổng công ty yêu cầu các doanh nghiệp tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng nguyên liệu làm thuốc nhằm nâng cao mức độ tuân thủ, bảo đảm chất lượng sản phẩm, duy trì hoạt động ổn định và hạn chế rủi ro trong sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực quản trị tổng thể, thông qua người đại diện, Tổng công ty đề nghị các doanh nghiệp thành viên chủ động triển khai các biện pháp phù hợp nhằm hạn chế tác động bất lợi của biến động tỷ giá, góp phần ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

2.3. Về tăng cường hợp tác quốc tế

Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới nêu rõ: “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả nhằm phát huy tiềm năng, thế và lực mới của đất nước, tạo động lực quan trọng để phát triển nhanh, bền vững đất nước”. Quán triệt tinh thần Nghị quyết, năm 2025, Tổng công ty đã chủ động triển khai nhiều hoạt động kết nối, xúc tiến và thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa Tổng công ty và các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty với các công ty/tập đoàn uy tín trong lĩnh vực dược và dược sinh học đến từ các quốc gia phát triển với mục tiêu tiếp cận công nghệ sản xuất và phân phối hiện đại, học hỏi kinh nghiệm quản trị tiên tiến, mở rộng cơ hội hợp tác đầu tư, chuyển giao công nghệ và phát triển thị trường.

(i) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dược sinh học

Xác định dược sinh học là lĩnh vực chiến lược, có vai trò tạo động lực cho mục tiêu phát triển trong trung và dài hạn, Tổng công ty tiếp tục chủ động thúc đẩy hợp tác với các đối tác quốc tế uy tín nhằm từng bước nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị dược sinh học. Trong năm 2025, Tổng công ty, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - công ty con của Tổng công ty đã ký Thỏa thuận phân phối độc quyền với Tập đoàn Celltrion (Hàn Quốc) thực hiện phân phối độc quyền các sản phẩm dược sinh học tại thị trường Việt Nam, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thuốc điều trị chất lượng cao với giá thành hợp lý cho người bệnh.

Bên cạnh đó, Tổng công ty đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với Tập đoàn Promomed - một trong những tập đoàn dược phẩm hàng đầu của Liên bang Nga về các nội dung thương mại hóa, chuyển giao công nghệ và hợp tác nghiên cứu phát triển, tạo tiền đề cho việc mở rộng hợp tác trong lĩnh vực dược sinh học trong thời gian tới.

(ii) Về việc hợp tác chiến lược trong phân phối và mở rộng thị trường

Tổng công ty tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế có năng lực và uy tín, phù hợp với định hướng phát triển, nhằm mở rộng cơ hội hợp tác thương mại, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và từng bước nâng cao vị thế của Tổng công ty trong chuỗi giá trị ngành Dược.

Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kết nối và làm việc với các cơ quan quản lý, hiệp hội và doanh nghiệp dược phẩm tại nhiều quốc gia có ngành Dược

phát triển như Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Italia, Hàn Quốc... nhằm mở rộng mạng lưới đối tác, cập nhật kịp thời thông tin thị trường, chính sách và thông lệ quốc tế; Trên cơ sở đó, từng bước tạo nền tảng cho việc triển khai các chương trình hợp tác chiều sâu trong thời gian tới.

2.4. Tiếp tục tham gia góp ý xây dựng chính sách và kết nối các doanh nghiệp được trong nước

Tổng công ty tiếp tục chủ động tham gia đóng góp ý kiến đối với các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật theo đề nghị của các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức liên quan, qua đó góp phần vào việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp được. Đồng thời Tổng công ty tiếp tục tích cực tham gia, phối hợp tổ chức các hội nghị, chương trình thảo luận chuyên ngành được và được sinh học nhằm tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin, mở rộng cơ hội hợp tác và đầu tư giữa các doanh nghiệp trong nước và các đối tác liên quan.

3. Thành tựu đạt được

Năm 2025, Tổng công ty được các tổ chức uy tín trong nước và khu vực ghi nhận, trao tặng nhiều giải thưởng danh giá, tiêu biểu gồm:

(i) Giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc châu Á (APEA) năm 2025 do Enterprise Asia tổ chức.

(ii) Top 10 công ty phân phối dược phẩm uy tín nhóm ngành Dược & Thiết bị y tế, Chăm sóc sức khỏe năm 2025 do Vietnam Report tổ chức.

(iii) Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc Tổng công ty cũng được vinh danh Doanh nhân xuất sắc châu Á tại Lễ trao giải APEA năm 2025 và được trao tặng Danh hiệu “Nữ Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu - Bông Hồng Vàng” 2025.

Qua đó khẳng định hình ảnh, thương hiệu Tổng công ty và uy tín của đội ngũ lãnh đạo trên thị trường trong nước và khu vực.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. Đặc điểm, tình hình chung

Giai đoạn 2021 - 2025 diễn ra trong bối cảnh kinh tế vĩ mô thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp, khó lường. Các yếu tố bất lợi chủ yếu bao gồm hệ lụy kéo dài của đại dịch Covid-19 làm gián đoạn chuỗi cung ứng và suy giảm tổng cầu; xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ trên phạm vi toàn cầu làm gia tăng chi phí vốn, cùng với các rủi ro địa chính trị và biến động tỷ giá, tạo áp lực lên chi phí đầu vào và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Mặc dù các chỉ số kinh tế vĩ mô trong nước cho thấy khả năng chống chịu tốt, với tăng trưởng GDP duy trì đà phục hồi tích cực, cao hơn so với mặt bằng chung của khu vực và lạm phát được kiểm soát chặt chẽ trong phạm vi mục tiêu, môi trường kinh doanh trong toàn giai đoạn vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức.

Đối với ngành dược phẩm, giai đoạn 2021 - 2025 là thời kỳ có nhiều khó khăn, thách thức nhưng đồng thời cũng mở ra những cơ hội phát triển mới. Đại dịch Covid-19 không chỉ là phép thử khắc nghiệt đối với hệ thống y tế và doanh nghiệp dược mà còn là chất xúc tác mạnh mẽ thúc đẩy nhu cầu sử dụng thuốc, các sản phẩm chăm sóc sức khỏe và nâng cao ý thức phòng bệnh chủ động trong toàn xã hội. Bên cạnh đó, các yếu tố nền tảng như xu hướng già hóa dân số, thu nhập bình quân đầu người cải thiện và chính sách mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân của Chính phủ là những động lực, nền tảng giúp thị trường dược Việt Nam tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao, tỷ giá biến động mạnh và chuỗi cung ứng toàn cầu còn tiềm ẩn gián đoạn, các

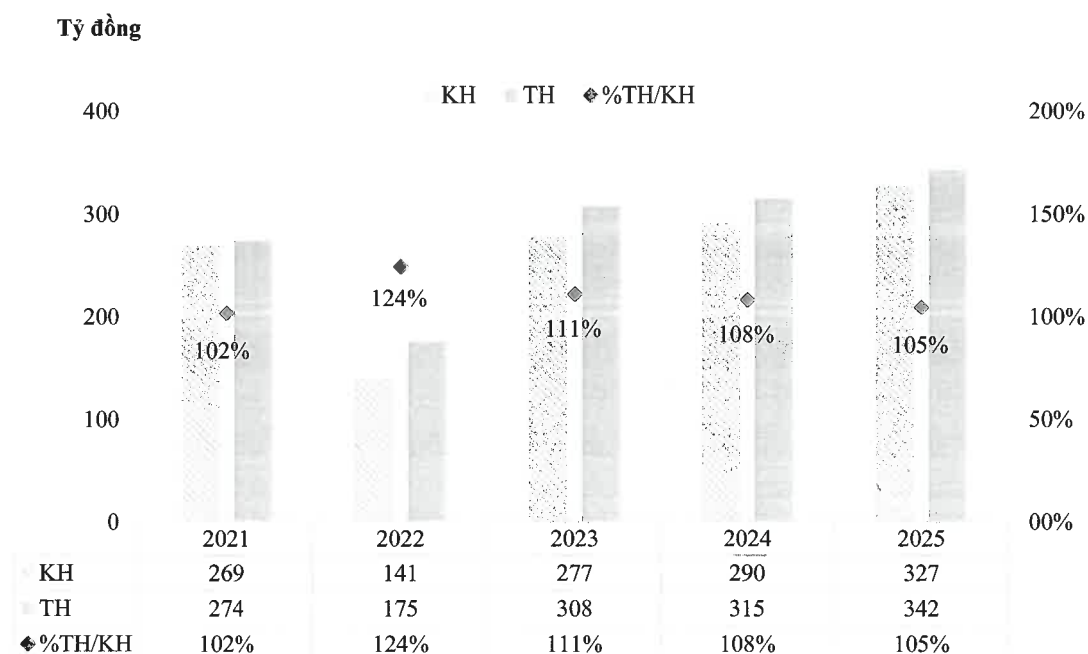
doanh nghiệp dược phẩm trong nước phải đối mặt với áp lực gia tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí, biên lợi nhuận và hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, trước thời điểm Luật Dược sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành (01/7/2025), một số vướng mắc liên quan đến việc chậm cấp mới, gia hạn số đăng ký thuốc, cũng như cơ chế đấu thầu, thanh quyết toán tại kênh bệnh viện (ETC) đã phần nào gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành

II. Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025

1. Kết quả kinh doanh

1.1. Theo báo cáo tài chính tổng hợp/riêng⁴

- Tổng doanh thu



Trong giai đoạn 2021 - 2025, tổng doanh thu duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, từ 274 tỷ đồng lên 342 tỷ đồng, tương ứng tốc độ tăng trưởng kép bình quân đạt khoảng 6%/năm. Trong suốt nhiệm kỳ, kết quả thực hiện hàng năm đều vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, với tỷ lệ hoàn thành dao động từ 102% đến 124%.

- Lợi nhuận trước thuế

⁴ Từ năm 2025, Tổng công ty công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC do thay đổi mô hình công ty không còn đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.



Trong giai đoạn 2021 - 2025, lợi nhuận trước thuế ghi nhận mức tăng trưởng kép bình quân đạt 3%/năm. Kết quả thực hiện hàng năm cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, ngoại trừ năm 2022.

Kết quả kinh doanh năm 2022 đạt thấp so với kế hoạch chủ yếu do diễn biến bất lợi của thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu của một số đơn vị thành viên của Tổng công ty giảm sâu trong ngày cuối năm. Theo quy định, Tổng công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính, làm gia tăng chi phí tài chính và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện. Nếu loại trừ khoản trích lập dự phòng này, lợi nhuận trước thuế năm 2022 vượt kế hoạch 59%.

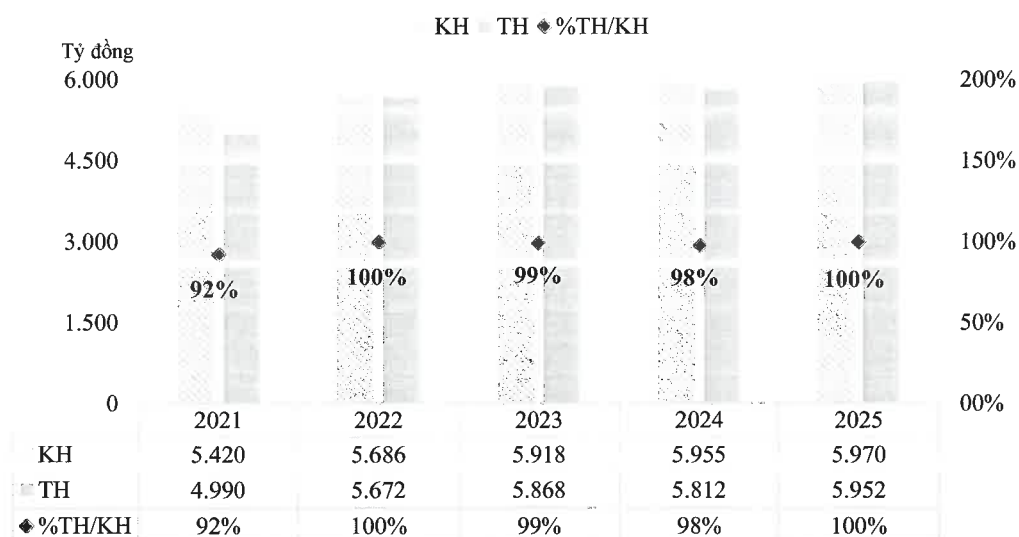
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2025	TH/KH
1	Tổng doanh thu	341.958	296.598	115%
2	Lợi nhuận trước thuế	274.574	213.317	129%

Căn cứ mục tiêu chiến lược nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, kết quả kinh doanh theo Báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Tổng công ty đã vượt các chỉ tiêu trọng yếu (không bao gồm hệ thống phân phối), trong đó: Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 vượt 15% và lợi nhuận trước thuế vượt 29%.

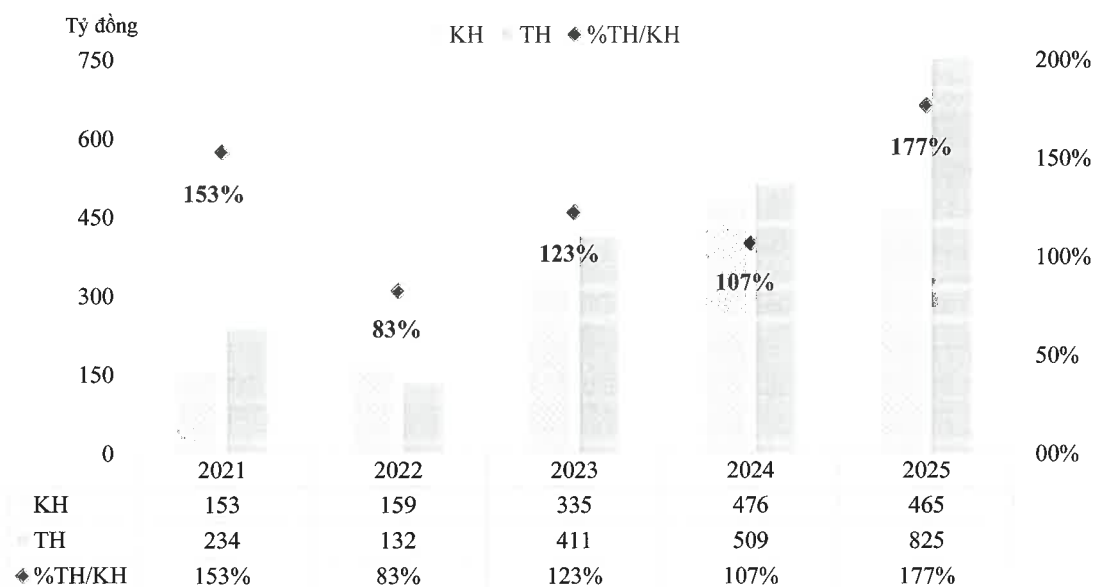
1.2. Theo báo cáo tài chính hợp nhất

- Tổng doanh thu



Trong giai đoạn 2021 - 2025, tổng doanh thu duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định và bám sát kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 5.952 tỷ đồng, tăng so với mức 4.990 tỷ đồng của năm 2021, tương ứng tốc độ tăng trưởng kép bình quân khoảng 5%/năm. Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch hằng năm đạt từ 92% đến 100%; trong đó, giai đoạn 2022 - 2025, mức thực hiện luôn duy trì trong khoảng 98% - 100% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế



Trong giai đoạn 2021 - 2025, lợi nhuận trước thuế hợp nhất ghi nhận tăng trưởng vượt bậc với giá trị thực hiện năm 2025 đạt kỷ lục, vượt mốc 800 tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với mức thực hiện năm 2021 tại 234 tỷ đồng, tương ứng tốc độ tăng trưởng kép bình quân khoảng 37%/năm. Kế hoạch lợi nhuận hàng năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đều được hoàn thành vượt mức đề ra, ngoại trừ năm 2022. Việc không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2022 chủ yếu do việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính từ công ty mẹ như đã nêu trên.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2025	TH/KH
1	Tổng doanh thu	5.951.958	7.454.572	80%
2	Lợi nhuận trước thuế	824.782	369.072	223%

Căn cứ mục tiêu chiến lược nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, tổng doanh thu theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty (không bao gồm hệ thống phân phối) chỉ đạt 80% kế hoạch. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch ở mức cao, gấp 2,2 lần so với kế hoạch đã đề ra.

2. Bảo toàn, phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	CAGR
1	Tổng nguồn vốn	5.862.094	5.778.024	6.228.028	6.455.458	7.652.470	6,9%
2	Vốn chủ sở hữu	2.994.720	2.765.522	3.236.886	3.509.936	4.031.671	7,7%
3	Vốn điều lệ	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	0%

- Tỷ lệ cổ tức chi trả bình quân trong giai đoạn: 6,4%/năm.

Tổng nguồn vốn và vốn chủ sở hữu giai đoạn 2021 - 2025 duy trì đà tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) lần lượt là 6,9%/năm và 7,7%/năm. Trong bối cảnh vốn điều lệ được giữ ổn định và nợ phải trả gia tăng ở mức hợp lý, tăng trưởng vốn chủ sở hữu chủ yếu đến từ sự cải thiện lợi nhuận của Tổng công ty, các công ty con và các công ty liên kết, qua đó tạo điều kiện tích lũy và bổ sung nguồn vốn nội bộ phục vụ cho hoạt động đầu tư và phát triển.

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (theo BCTC hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,34	1,28	1,44	1,50	1,31
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,0	0,9	1,0	0,9	0,8
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,49	0,52	0,48	0,46	0,47
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,96	1,09	0,92	0,84	0,90
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,6	4,4	3,9	3,3	2,8
2	Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	2,7	3,1	3,1	3,2	3,2
3	Vòng quay vốn lưu động	Vòng	5,6	6,3	5,3	4,0	4,4

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025
4	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,8	1,0	0,9	0,9	0,8
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
1	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	4,5	2,0	6,8	8,5	14,0
2	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,4	3,8	12,6	13,9	21,0
3	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,6	1,9	6,3	7,4	11,2

3.1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán được duy trì ở mức an toàn, không ghi nhận biến động tiêu cực trong toàn giai đoạn.

3.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Cơ cấu vốn của Tổng công ty có xu hướng cải thiện theo hướng tích cực; hệ số nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu nhìn chung giảm dần qua các năm.

3.3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động cơ bản được duy trì ổn định, đảm bảo hiệu quả vận hành và sử dụng tài sản.

3.4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tổng công ty ghi nhận xu hướng cải thiện rõ rệt từ năm 2023. Sự cải thiện này chủ yếu nhờ biên lợi nhuận hoạt động được nâng cao, cùng với đóng góp tích cực từ doanh thu hoạt động tài chính và phần lãi từ các công ty liên kết.

4. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược giai đoạn 2021 - 2025

4.1. Xây dựng hệ thống phân phối

Trong cả giai đoạn 2021 - 2025, xây dựng hệ thống phân phối được xác định là một định hướng chiến lược quan trọng.

Trong các năm 2021 và 2022, Tổng công ty đã chủ động báo cáo, giải trình, cập nhật lại các giả định thị trường và hiệu quả tài chính của dự án, kiến nghị cấp có thẩm quyền sớm phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng hệ thống phân phối. Tuy nhiên trong bối cảnh các yếu tố thị trường còn nhiều biến động, hiệu quả dự án phụ thuộc nhiều vào các giả định về thị phần, doanh thu và biên lợi nhuận, trên cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả dự án, Tổng công ty đã chủ động điều chỉnh tiến độ triển khai theo hướng thận trọng, phù hợp điều kiện thị trường, tối ưu mô hình đầu tư, bảo đảm nguyên tắc an toàn và hiệu quả sử dụng vốn.

Từ năm 2023 đến 2025, Tổng công ty đã thực hiện khảo sát mô hình kho phân phối, khảo sát địa điểm, làm việc với đơn vị cung cấp giải pháp kho thông minh, đồng thời tích cực đàm phán với các công ty, tập đoàn đa quốc gia về cơ hội hợp tác phân phối các sản phẩm của đối tác tại thị trường Việt Nam, là cơ sở quan trọng để Tổng công ty từng bước hoàn thiện phương án đầu tư và sẵn sàng triển khai khi điều kiện thuận lợi.

4.2. Đầu tư và quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty

Công tác quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thành viên trong giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ, đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn. Tổng công ty đã chủ động thực hiện các giao dịch mua thêm hoặc nhận thêm cổ phiếu tại một số đơn vị nhằm duy trì tỷ lệ sở hữu, củng cố vị thế cổ đông và bảo vệ lợi ích đầu tư dài hạn.

Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2023 - 2027 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua đã tạo cơ sở định hướng rõ ràng cho việc cơ cấu danh mục đầu tư. Trong quá trình triển khai, căn cứ tình hình thực tế và các biến động trọng yếu tại doanh nghiệp, Tổng công ty đã chủ động rà soát, đánh giá trên cơ sở các chỉ tiêu tài chính, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, điều chỉnh lộ trình thực hiện nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển, tối ưu hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát rủi ro.

Đến thời điểm hiện nay, Tổng công ty đã hoàn thành việc tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam từ 15% lên 30% theo mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua; danh mục đầu tư và tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại các doanh nghiệp còn lại vẫn cơ bản được giữ nguyên như tại thời điểm đề án tái cơ cấu được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua.

4.3. Mở rộng dự án nghiên cứu tương đương sinh học (BA/BE)

Tổng công ty đã triển khai nhiều giải pháp để cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động BA/BE, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân, hoạt động dịch vụ kiểm nghiệm và tương đương sinh học chưa đạt hiệu quả. Một số nguyên nhân chủ yếu như sau: (i) Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động triển khai nghiên cứu, làm gián đoạn hoạt động tuyển chọn người tình nguyện, nhập khẩu thuốc mẫu,...; (ii) Suy giảm nhu cầu dịch vụ do khách hàng gặp khó khăn trong việc cấp mới, gia hạn và duy trì số đăng ký thuốc; (iii) Giai đoạn 2020 - 2022 phần lớn các nghiên cứu BE đối với các dược chất thuộc danh mục bắt buộc quy định tại Thông tư 08/2010/TT-BYT đã được các doanh nghiệp triển khai. Mặc dù Thông tư số 07/2022/TT-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế thay thế Thông tư 08/2010/TT-BYT đã tăng thêm 14 hoạt chất và 01 dạng bào chế bắt buộc phải thử BE, tạo cơ sở pháp lý cho việc gia tăng nhu cầu dịch vụ trong trung và dài hạn, tuy nhiên việc triển khai trên thực tế có độ trễ nhất định do doanh nghiệp cần thời gian nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện hồ sơ đăng ký thuốc. Bên cạnh đó, hoạt động của Trung tâm còn tồn tại một số hạn chế về năng lực cạnh tranh, chi phí dịch vụ, khả năng tiếp cận khách hàng và hiệu quả vận hành, dẫn đến kết quả kinh doanh không đạt kỳ vọng.

Hoạt động nghiên cứu tương đương sinh học có ý nghĩa về mặt chuyên môn, góp phần chứng minh chất lượng thực sự của thuốc vào cơ thể người, có lợi cho người dân Việt Nam nhưng chưa đảm bảo hiệu quả tài chính; hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược thua lỗ kéo dài. Thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, Tổng công ty đã chấm dứt hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược.

4.4. Đầu tư khai thác hiệu quả các tài sản trên đất và lợi thế vị trí địa lý các quỹ đất mà Tổng công ty đang được quyền sử dụng

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Tổng công ty đã từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý và khai thác tài sản trên đất. Theo đó, Tổng công ty đã chủ động rà soát phương án sử dụng các cơ sở nhà đất, tìm kiếm, lựa chọn đối tác phù hợp để khai thác các diện tích

chưa sử dụng, đồng thời thực hiện chuyển nhượng thành công các căn hộ thuộc quyền sở hữu của Tổng công ty tại khu đất 60B Nguyễn Huy Tưởng theo hình thức bán đấu giá.

4.5. Thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 02/6/2023, quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Tổng công ty đã được chuyển giao từ Bộ Y tế sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Căn cứ Quyết định 690/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch sắp xếp lại và Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đến năm 2025”, Tổng công ty là một trong 07 doanh nghiệp thuộc danh mục các doanh nghiệp do SCIC nắm giữ 65% vốn điều lệ trở lên.

4.6. Phát triển vùng dược liệu

Căn cứ định hướng chiến lược dài hạn của Tổng công ty và các mục tiêu tại Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phát triển vùng dược liệu được xác định là một trong những lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng trong việc chủ động nguồn nguyên liệu và nâng cao giá trị chuỗi sản xuất kinh doanh dược phẩm.

Tuy nhiên, qua quá trình rà soát, đánh giá điều kiện thực tế triển khai, bao gồm yêu cầu về cơ chế chính sách, quy hoạch vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng và khả năng tổ chức chuỗi liên kết, Tổng công ty xác định tập trung ưu tiên các lĩnh vực cốt lõi có khả năng tạo hiệu quả trực tiếp và phù hợp hơn với năng lực, lợi thế cạnh tranh cũng như điều kiện thị trường của Tổng công ty, đồng thời tiếp tục theo dõi, cập nhật các điều kiện cần thiết để xem xét triển khai trong giai đoạn phù hợp.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Tổng công ty cơ bản hoàn thành các mục tiêu trọng yếu— đã đề ra, đồng thời ghi nhận sự chuyển biến rõ nét về hiệu quả hoạt động và chất lượng quản trị. Quy mô doanh thu duy trì tăng trưởng ổn định; đặc biệt, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế theo báo cáo tài chính tổng hợp/riêng và hợp nhất đều vượt kế hoạch ở mức cao, qua đó góp phần củng cố năng lực tài chính và tạo nền tảng tích lũy cho phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Công tác quản lý và đầu tư vốn được triển khai theo hướng chủ động, minh bạch và hiệu quả. Vai trò kết nối, dẫn dắt và tham gia xây dựng chính sách ngành tiếp tục được phát huy, góp phần nâng cao vị thế của Tổng công ty. Hoạt động hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, từng bước mở rộng quan hệ với các đối tác uy tín trong lĩnh vực dược và dược sinh học từ các quốc gia có nền công nghiệp dược phát triển.

Uy tín và thương hiệu của Tổng công ty tiếp tục được khẳng định thông qua nhiều danh hiệu và giải thưởng uy tín trong nước và khu vực: Năm 2022, Tổng công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng tại Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập; bên cạnh đó, Tổng công ty liên tục được vinh danh trong các bảng xếp hạng uy tín như: Giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc châu Á trong các năm 2023-2025; Top 10 công ty dược Việt Nam uy tín giai đoạn 2021 - 2025; Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, cùng nhiều danh hiệu khác.

Bên cạnh các kết quả đạt được, một số mục tiêu chưa được triển khai theo kỳ vọng, bao gồm đầu tư xây dựng hệ thống phân phối thuốc và phát triển vùng dược liệu. Hoạt động nghiên cứu tương đương sinh học (BA/BE) không đạt hiệu quả và đã chấm dứt theo Đề án tái cơ cấu. Bên cạnh đó, chỉ tiêu doanh thu theo báo cáo tài chính hợp nhất chưa

hoàn thành kế hoạch, cho thấy tốc độ tăng trưởng quy mô chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của Tổng công ty.

C. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. Dự báo tình hình năm 2026 và xu hướng ngành Dược giai đoạn 2026 - 2030

Năm 2026, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên, hướng tới mức thu nhập bình quân đầu người khoảng 5.400 - 5.500 USD. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng đi kèm với áp lực gia tăng nhanh của chi phí sinh hoạt, đặc biệt trong lĩnh vực y tế. Theo KPMG, thu nhập khả dụng bình quân đầu người trong giai đoạn tới dự kiến tăng trưởng bình quân 11%/năm, trong khi chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe tăng tới 18%/năm; lạm phát y tế năm 2026 được dự báo ở mức 12%, cao hơn đáng kể so với lạm phát cơ bản khoảng 4%. Diễn biến này cho thấy chi phí y tế đang tăng nhanh hơn tốc độ cải thiện thu nhập, làm suy giảm dư địa chi tiêu tự nguyện của người dân. Trong bối cảnh đó, xu hướng tiêu dùng dược phẩm dự báo dịch chuyển theo hướng ưu tiên các sản phẩm thuốc thuộc danh mục chi trả của bảo hiểm y tế, có hiệu quả điều trị rõ ràng và chi phí hợp lý; hạn chế chi trả đối với các thuốc, dịch vụ y tế có chi phí cao, hiệu quả điều trị chưa thực sự rõ rệt hoặc mức độ tin cậy chưa cao.

Mặc dù sức mua và khả năng tự chi trả của hộ gia đình chịu nhiều áp lực, thị trường dược phẩm Việt Nam vẫn tiếp tục được đánh giá là một trong những thị trường tăng trưởng trọng điểm tại khu vực Đông Nam Á. Từ quy mô khoảng 9 tỷ USD vào cuối năm 2025, nhiều tổ chức nghiên cứu quốc tế dự báo quy mô thị trường có thể đạt khoảng 15 - 16 tỷ USD trong giai đoạn tiếp theo, tương ứng tốc độ tăng trưởng kép hàng năm phổ biến trong khoảng 7% - 9%. Triển vọng này chủ yếu được hỗ trợ bởi các yếu tố như xu hướng già hóa dân số, gia tăng bệnh không lây nhiễm, tác động của ô nhiễm môi trường,...

Tuy nhiên, đà tăng trưởng của toàn thị trường đang có xu hướng phân hóa rõ rệt giữa các kênh tiêu thụ, với trọng tâm ngày càng tập trung vào kênh bệnh viện (ETC) - hiện chiếm khoảng 70% - 76% thị phần toàn ngành và duy trì tốc độ tăng trưởng vượt trội so với kênh OTC. Xu hướng này được hỗ trợ bởi tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đã đạt 95% dân số vào cuối năm 2025, đồng thời tiếp tục được củng cố bởi định hướng chính sách mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản cho người dân trong thời gian tới. Trong bối cảnh chi phí sinh hoạt và chi phí y tế gia tăng, người dân có xu hướng ưu tiên sử dụng thuốc và dịch vụ điều trị thuộc phạm vi được bảo hiểm y tế chi trả, qua đó làm gia tăng tỷ trọng tiêu thụ qua kênh đầu thầu bệnh viện. Ngược lại, kênh OTC tiếp tục đối mặt với áp lực cạnh tranh gia tăng, buộc các doanh nghiệp phân phối và bán lẻ phải đẩy mạnh tái cơ cấu mô hình kinh doanh, mở rộng chuỗi nhà thuốc hiện đại và gia tăng tỷ trọng các nhóm sản phẩm có biên lợi nhuận cao.

Trong giai đoạn 2026 - 2030, bên cạnh triển vọng tăng trưởng tích cực về quy mô, ngành Dược Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro có tính hệ thống. Sự phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ khiến chi phí sản xuất nhạy cảm với biến động địa chính trị, gián đoạn chuỗi cung ứng và sự gia tăng chi phí vận chuyển quốc tế. Đồng thời, áp lực tỷ giá và mặt bằng lãi suất cao trong nước tiếp tục gây áp lực lên dòng tiền của doanh nghiệp, thu hẹp dư địa cho hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong bối cảnh đó, mức độ phân hóa trong ngành sẽ ngày càng rõ nét khi các quy định mới về đầu thầu và tiêu chuẩn sản xuất tiếp tục tạo lợi thế cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tốt, năng lực công nghệ, đáp ứng tiêu chuẩn EU-GMP và sở hữu danh mục thuốc chuyên khoa, thuốc giá trị gia tăng cao, trong khi nhóm doanh nghiệp

tập trung vào thuốc generic phổ thông sẽ chịu áp lực cạnh tranh lớn hơn do biên lợi nhuận thấp và khả năng chuyển dịch chi phí đầu vào giá bán hạn chế.

Quá trình chuyển đổi số trong quản lý dược, triển khai hồ sơ điện tử, dịch vụ công trực tuyến và cơ chế tham chiếu kết quả thẩm định từ các cơ quan quản lý dược chặt chẽ như EMA (Châu Âu), US-FDA (Mỹ), PMDA (Nhật Bản), TGA (Úc), MHRA (Anh)... đang góp phần rút ngắn thời gian cấp mới, gia hạn số đăng ký lưu hành thuốc, góp phần tăng tính minh bạch và cải thiện môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là những yếu tố hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp có năng lực đầu tư dài hạn, quản trị tốt và định vị đúng phân khúc thị trường.

Nhìn chung, triển vọng ngành Dược vẫn tích cực nhờ nhu cầu chăm sóc sức khỏe tiếp tục gia tăng và độ bao phủ BHYT ngày càng mở rộng, tuy nhiên khả năng tăng trưởng bền vững sẽ phụ thuộc ngày càng lớn vào năng lực tài chính, mức độ chủ động nguồn cung, đầu tư công nghệ và khả năng dịch chuyển cơ cấu sản phẩm của từng doanh nghiệp.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Bám sát mục tiêu tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030, trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên, với mục tiêu đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng lợi nhuận trước thuế năm 2026 theo báo cáo tài chính riêng đạt tối thiểu 10% trở lên, Tổng công ty tập trung triển khai kế hoạch theo hai trụ cột chiến lược: (1) Thúc đẩy tăng trưởng doanh thu thông qua mở rộng thị trường, tối ưu danh mục sản phẩm, nâng cao năng lực cung ứng và chủ động khai thác hiệu quả cơ hội đến từ sự thay đổi của chính sách, thị trường và (2) Tái cơ cấu hoạt động nhằm tối ưu chi phí vận hành, tăng cường kỷ luật tài chính, chuẩn hóa quy trình quản trị và nâng cao hiệu quả tổng thể, qua đó tạo dư địa cho tăng trưởng bền vững và cải thiện năng lực cạnh tranh

Trên cơ sở các định hướng nêu trên, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 theo báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Tổng công ty được xây dựng cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2025		KH 2026		So với TH năm trước (%)	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	341.958	5.951.958	369.443	6.202.404	108%	104%
2	Lợi nhuận trước thuế	274.574	824.782	302.945	505.626	110%	61%

- Theo báo cáo tài chính riêng, Tổng công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu đạt 369 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 303 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng lần lượt 8% về doanh thu và 10% về lợi nhuận trước thuế so với kết quả thực hiện năm 2025.

- Theo báo cáo tài chính hợp nhất, kế hoạch năm 2026 của Tổng công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu đạt 6.202 tỷ đồng, tương ứng tăng 4% so với kết quả thực hiện năm 2025. Lợi nhuận trước thuế kế hoạch đạt 506 tỷ đồng, giảm 39% so với thực hiện năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu của biến động giảm lợi nhuận trước thuế là do trong năm 2025, Tổng công ty đã ghi nhận khoản thu nhập một lần từ lợi thế mua rẻ phát sinh từ giao dịch nâng tỷ lệ sở hữu lên 30% tại Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam. Khoản thu nhập này được ghi nhận vào chỉ tiêu “Phần lãi trong công ty liên kết” theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, làm gia tăng đột biến lợi nhuận năm 2025 và tạo hiệu ứng so sánh cao

cho kế hoạch năm 2026.

Việc ghi nhận khoản lợi thế mua rẻ nêu trên đồng thời làm giảm tương ứng khoản cổ tức dự kiến ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong các kỳ tiếp theo, đồng thời phát sinh việc phân bổ dần khoản lợi thế mua rẻ, dẫn đến giảm chỉ tiêu “Phần lãi trong công ty liên kết” trong năm 2026.

Do đó, mức giảm lợi nhuận trước thuế kế hoạch năm 2026 giảm so với năm 2025 chủ yếu xuất phát từ yếu tố ghi nhận kế toán mang tính chất một lần giữa các kỳ, không phản ánh sự suy giảm trong hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Chỉ tiêu kinh doanh

Trên cơ sở thông tin dự báo tình hình vĩ mô của nền kinh tế và ngành Dược Việt Nam, tiềm lực của Tổng công ty, mục tiêu kinh doanh theo báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đến năm 2030 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH 2026		KH 2030		CAGR (%)	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	369.443	6.202.404	480.580	7.128.509	7%	4%
2	Lợi nhuận trước thuế	302.945	505.626	384.912	594.637	6%	4%

Một số thông tin, giả định quan trọng:

- Số liệu kế hoạch năm 2030 được xây dựng trên cơ sở dữ liệu kế hoạch tổng thể của Tổng công ty, kết hợp với giả định tăng trưởng đến từ các doanh nghiệp có vốn góp.
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ các công ty con, công ty liên kết được ước tính ở mức khoảng 5%/năm, tương đương tốc độ tăng trưởng của ngành Dược Việt Nam năm 2025 theo Báo cáo nghiên cứu của IQVIA.
- Trong giai đoạn 2026 - 2030, doanh thu từ cổ tức của Tổng công ty dự kiến duy trì tăng trưởng ổn định theo hướng thận trọng, trong bối cảnh mức độ phân hóa trong ngành dược ngày càng rõ nét. Các quy định về đầu thầu và tiêu chuẩn sản xuất đang tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có năng lực tài chính, công nghệ và đáp ứng tiêu chuẩn EU-GMP tiếp tục củng cố vị thế và gia tăng giá trị dài hạn. Để duy trì và mở rộng lợi thế này, các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty cần tiếp tục đầu tư nâng cấp công nghệ, mở rộng sản xuất và phát triển danh mục sản phẩm, qua đó hình thành xu hướng cân đối giữa việc giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư và mức độ chi trả cổ tức.
- Bên cạnh đó, một số đơn vị có vốn góp có sự thay đổi cổ đông lớn, từ đó định hướng phát triển và chính sách phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng. Nhìn chung, các doanh nghiệp trong danh mục đang hướng tới cân bằng giữa tăng trưởng dài hạn và chính sách cổ tức hợp lý, trong đó phổ biến là kết hợp giữa cổ tức tiền mặt và cổ phiếu nhằm vừa đảm bảo lợi ích cổ đông, vừa duy trì nguồn lực cho đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, doanh thu cổ tức của Tổng công ty trong giai đoạn 2026 - 2030 được kỳ vọng tăng trưởng ổn định, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển của doanh nghiệp khi các dự án đầu tư đi vào vận hành ổn định và phát huy hiệu quả trong các giai đoạn tiếp theo.
- Trường hợp thị trường xuất hiện các biến động tiêu cực, mang tính hệ thống và vượt ngoài khả năng kiểm soát của Tổng công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh như căng thẳng địa chính trị, chính sách của cơ quan quản lý nhà nước cũng

nếu sự quan tâm, ủng hộ của Chính phủ, Bộ Y tế, Ban điều hành sẽ chủ động rà soát, đánh giá tác động, báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông để xem xét, quyết định việc điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với tình hình thực tế.

2. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm cho năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030

Trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 và mục tiêu chiến lược đã đề ra, Tổng công ty xác định các nhóm giải pháp trọng tâm trong giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư, tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và chủ động tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến góp phần hoàn thiện chính sách ngành Dược. Định hướng này phù hợp với chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cũng như phù hợp với các ưu tiên hiện nay của Chính phủ, Bộ Y tế trong việc tăng cường năng lực hệ thống y tế, bao gồm quản trị y tế và tài chính y tế bền vững; cải thiện khả năng tiếp cận thuốc và công nghệ y tế mới, đồng thời hoàn thiện khung pháp lý và quản lý dược; phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, thông qua đào tạo, trao đổi học thuật và hợp tác giữa các cơ sở đào tạo; đẩy mạnh y tế dự phòng và phòng chống bệnh tật, trong đó có tiêm chủng và các sáng kiến phòng bệnh hiệu quả. Các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm cụ thể như sau:

2.1. Nâng cao hiệu quả đầu tư và quản lý vốn

- Tập trung cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng chọn lọc, ưu tiên các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và có tiềm năng tăng trưởng; thực hiện duy trì và tăng tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tốt đồng thời thoái vốn tại các khoản đầu tư kém hiệu quả. Bên cạnh đó, Tổng công ty tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp dược ngoài danh mục các đơn vị thành viên hiện tại để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và tận dụng các cơ hội đầu tư tốt trên thị trường.

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện Quy chế quản lý Người đại diện vốn, gắn trách nhiệm với hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý.

2.2. Tiếp tục triển khai tái cơ cấu giai đoạn 2023 - 2027

Tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2023 - 2027, trọng tâm là nâng cao chất lượng và năng lực quản trị theo các thông lệ tiên tiến, triển khai áp dụng đồng bộ hệ thống KPI, cơ chế tiền lương 3P, hoàn thiện các quy chế, quy trình nội bộ; đồng thời tổ chức bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu năng và hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm tất cả các cán bộ quản lý cấp trung trở lên đều được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị hiện đại và kỹ năng lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty mẹ, tập trung vào chức năng đầu tư tài chính và điều phối chiến lược, qua đó củng cố và phát huy vai trò dẫn dắt, định hướng các doanh nghiệp thành viên, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của ngành.

2.3. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2030: “phần đầu trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm giá trị cao trong khu vực. Tiếp nhận chuyển giao công nghệ, gia công có phối hợp chuyển giao công nghệ sản xuất ít nhất 100 thuốc biệt dược gốc, vaccine, sinh phẩm bao gồm cả sinh phẩm tương tự và một số thuốc mà Việt Nam chưa sản xuất được”. Đây không chỉ là định hướng chiến lược phát triển ngành mà đồng thời là cơ hội để các doanh nghiệp dược trong nước nâng cao năng lực

cạnh tranh, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị dược phẩm toàn cầu. Việc thúc đẩy chuyển giao công nghệ (CGCN) là một trọng tâm chiến lược để đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm trong khu vực ASEAN.

Thời gian qua, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng thúc đẩy sự phát triển ngành Dược, trong đó Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược đã quy định chính sách ưu đãi trong chuyển giao công nghệ, sản xuất dược chất, thuốc mới, thuốc biệt dược gốc, thuốc công nghệ cao, vắc xin và sinh phẩm, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp dược trong nước. Việt Nam hiện nay có khoảng 20 loại thuốc đã được chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn đa quốc gia như AstraZeneca, Servier, Viatris. Điển hình là dự án của AstraZeneca chuyển giao các thuốc điều trị bệnh không lây nhiễm (Nexium MUPS, Betaloc ZOK, Crestor) cho nhà máy Medochemie tại Việt Nam.

Trên cơ sở bối cảnh và xu hướng này, giai đoạn 2026 - 2030 Tổng công ty xác định ưu tiên tập trung triển khai hợp tác với các đối tác quốc tế có uy tín, năng lực tài chính vững mạnh và sở hữu công nghệ tiên tiến để tiếp nhận chuyển giao công nghệ và/hoặc hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc công nghệ cao tại Việt Nam. Đây là định hướng mang tính nền tảng, không chỉ nhằm nâng cao năng lực sản xuất, làm chủ công nghệ mà còn tạo tiền đề để Tổng công ty phát triển những dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao, qua đó nâng cao vị thế trên thị trường dược phẩm.

Bên cạnh đó, Tổng công ty sẽ triển khai hệ thống phân phối theo lộ trình phù hợp, ưu tiên phương thức hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước; đồng thời khai thác tối đa hệ thống của các công ty con để mở rộng và tối ưu kênh phân phối, đảm bảo hiệu quả thương mại và quản trị rủi ro.

2.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh (ESG)

Chuyển đổi số và chuyển đổi xanh là xu hướng tất yếu, đồng thời là trụ cột quan trọng trong quản trị doanh nghiệp hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả hoạt động và năng lực phát triển bền vững của Tổng công ty trong giai đoạn mới.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Tổng công ty sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp để củng cố và hiện đại hóa nền tảng công nghệ thông tin, tăng cường ứng dụng và khai thác hiệu quả việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản trị và điều hành, qua đó góp phần nâng cao năng suất lao động và khả năng thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số là xây dựng nền tảng quản trị tài chính - kế toán đồng bộ, phục vụ hiệu quả công tác hợp nhất báo cáo tài chính. Đây là yêu cầu hết sức cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu kết nối, đồng bộ dữ liệu kế toán giữa Tổng công ty - các công ty con và hệ thống báo cáo hợp nhất của Tổng công ty; rút ngắn thời gian xử lý số liệu, tăng độ chính xác và nhất quán của các báo cáo tài chính; tạo nền tảng công nghệ đồng bộ, hỗ trợ Tổng công ty trong quá trình chuẩn hóa báo cáo và đáp ứng yêu cầu công bố thông tin minh bạch theo lộ trình niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Từ tháng 01/2025, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - công ty con của Tổng công ty đã đưa vào vận hành hệ thống ERP Oracle Netsuite. Trong năm 2026, Tổng công ty sẽ triển khai hệ thống ERP và tiến tới triển khai thống nhất tại Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha và Công ty cổ phần Dược Trung ương 3, qua đó hình thành nền tảng quản trị số đồng bộ, xuyên suốt toàn hệ thống.

Tổng công ty đồng thời từng bước tích hợp các tiêu chí ESG vào các hoạt động vận

hành và hệ thống đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp, hướng tới mô hình phát triển bền vững, minh bạch và trách nhiệm với cộng đồng.

2.5. Hoàn thiện chính sách tài chính, đảm bảo nguồn lực cho đầu tư và phát triển bền vững

Tối ưu hóa chi phí hoạt động, đồng thời tăng cường quản trị tài chính tại Công ty mẹ và các công ty con theo hướng thận trọng, an toàn và hiệu quả.

Tổng công ty duy trì chính sách quản lý vốn lưu động hợp lý; nâng cao hiệu quả dòng tiền thông qua việc tăng cường thu hồi cổ tức, lợi nhuận được chia, đồng thời kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu và hàng tồn kho tại các công ty con. Thực hiện chính sách cổ tức phù hợp, đảm bảo hài hòa lợi ích cổ đông và nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển trong từng giai đoạn.

Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, kiểm soát rủi ro và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dược, Tổng công ty dự kiến bổ sung nhân sự chuyên trách trong công tác rà soát, quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ. Việc tăng cường nguồn lực này tập trung vào các hoạt động trọng yếu, bao gồm: Giám sát điều kiện sản xuất, kiểm soát chất lượng thuốc, tuân thủ các tiêu chuẩn thực hành tốt (GMP, GSP, GDP...), cũng như kịp thời cập nhật và triển khai các quy định mới của cơ quan quản lý nhà nước.

Trên cơ sở định hướng cơ cấu danh mục đầu tư và triển khai các dự án trọng điểm, Tổng công ty xác định ưu tiên nguồn lực cho những dự án có khả năng tạo nền tảng tăng trưởng dài hạn trong đó trọng tâm nhận chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc công nghệ cao tại Việt Nam, phát triển hệ thống phân phối theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả và bền vững.

Đối với dự án nhận chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc: Đây là hoạt động đòi hỏi đầu tư quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao, thời gian triển khai dài và tuân thủ chặt chẽ các điều kiện thực hiện. Thực tiễn cho thấy để một dự án chuyển giao công nghệ hiệu quả, doanh nghiệp cần hội tụ đầy đủ các yếu tố: nhà máy sản xuất đạt chuẩn, hồ sơ pháp lý đầy đủ, đội ngũ nhân sự có năng lực làm chủ công nghệ và thị trường đầu ra. Bên cạnh đó, tiến độ và hiệu quả triển khai dự án còn phụ thuộc đáng kể vào tiến trình và kết quả đàm phán với đối tác chuyển giao, bao gồm phạm vi chuyển giao, quyền sử dụng công nghệ, yêu cầu kỹ thuật, nghĩa vụ hỗ trợ sau chuyển giao và các điều kiện thương mại liên quan.

2.6. Trong bối cảnh Nhà nước tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật chuyên ngành nhằm tháo gỡ khó khăn và tạo động lực thúc đẩy ngành dược Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh, Tổng công ty xác định tiếp tục chủ động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách pháp luật ngành dược. Đồng thời, Tổng công ty phát huy vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp thành viên và các cơ quan quản lý, nhằm hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, qua đó từng bước nâng cao năng lực tự chủ của ngành Dược Việt Nam, hiện đại hóa sản xuất và phát triển bền vững, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, đóng góp thiết thực cho lợi ích lâu dài của đất nước.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Trên đây là Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025, cũng như kế hoạch hoạt động năm 2026 và định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030 của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Thay mặt Ban Điều hành và toàn thể người lao động Tổng công ty Dược Việt Nam,

xin trân trọng gửi lời tri ân đến Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đã luôn đồng hành, lắng nghe, hỗ trợ và tạo điều kiện để Tổng công ty phát huy được tiềm lực và vị thế của một Tổng công ty Dược duy nhất có vốn góp chi phối của Doanh nghiệp nhà nước. Trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng, Quý đối tác, các doanh nghiệp thành viên, Hội đồng quản trị và tập thể CBNV đã luôn tin tưởng, đồng hành vì một Tổng công ty phát triển an toàn, bền vững và hiệu quả, “vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình” cùng đất nước.

Ban Điều hành tin tưởng rằng, với sự đồng hành của Quý vị cổ đông và các bên liên quan, Tổng công ty sẽ tiếp tục củng cố nền tảng phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tới.

Kính chúc Thứ trưởng Nguyễn Tri Thức, Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông sức khỏe, thành công và tiếp tục đồng hành cùng Tổng công ty trong chặng đường phát triển sắp tới.

Trân trọng.

**Hàn Thị Khánh Vinh**

T.C.P.

Số: 217 /TCTD - HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2025;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (HĐQT) trong Ủy ban kiểm toán kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động trong năm 2025 và nhiệm kỳ 2020 - 2025 như sau:

I. Tổ chức bộ máy và hoạt động của Ủy ban kiểm toán (UBKT)

1. Thành phần, cơ cấu của UBKT

UBKT trực thuộc HĐQT gồm 02 thành viên, cụ thể:

TT	Thành viên UBKT	Chức danh	Vị trí	Ngày bắt đầu/ kết thúc	Lý do
1	Ông Đỗ Mạnh Cường	TV độc lập HĐQT	Chủ tịch UBKT	25/6/2024	
2	Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên UBKT	21/4/2025	Miễn nhiệm bởi ĐHCĐ thường niên 2025
3	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên UBKT	21/4/2025	

2. Cơ chế hoạt động của UBKT

- UBKT hoạt động theo Quy chế hoạt động của UBKT do HĐQT ban hành đảm bảo phù hợp và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

3. Các cuộc họp của UBKT

TT	Thành viên UBKT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Đỗ Mạnh Cường	02	100%	100%
2	Ông Nguyễn Tiến Dũng	02	100%	100%

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT

- Thù lao của từng thành viên UBKT: Chi tiết thù lao của các thành viên UBKT được thể hiện trong Báo cáo hoạt động của HĐQT.

- Chi phí hoạt động của UBKT và các lợi ích khác tuân thủ theo quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty.

II. Kết quả giám sát của UBKT

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT

- Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT đều được thảo luận công khai, dân chủ. Các vấn đề được đánh giá, thảo luận thấu đáo, cân trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ban hành Nghị quyết.

- Tổng Giám đốc và Ban Điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

- Thư ký Tổng công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

2. Giám sát Báo cáo tài chính

- UBKT đã thực hiện xem xét BCTC quý, bán niên và cả năm 2025 trên cơ sở BCTC do Tổng công ty lập và kết quả kiểm toán BCTC của kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo tính chính xác và tin cậy trước khi công bố. Ngoài ra, Ban Điều hành thực hiện báo cáo định kỳ quý tới UBKT các vấn đề trọng yếu về hoạt động tài chính cũng như hệ thống kế toán và các vấn đề lớn cần quan tâm.

- BCTC năm 2025 được lập, trình bày và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành; Phản ánh tính trung thực, hợp lý, nhất quán trên các khía cạnh tài chính và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; không phát hiện sai sót trọng yếu, gian lận hoặc rủi ro gian lận tiềm tàng có thể ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của BCTC.

- Trong năm tài chính 2025, Tổng công ty không có sự thay đổi lớn về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- UBKT đã xem xét ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập trong thư quản lý và đánh giá là không có ảnh hưởng trọng yếu nào đến việc lập và công bố báo cáo tài chính.

3. Giám sát giao dịch với các bên liên quan

- UBKT đã rà soát và đánh giá các giao dịch giữa Tổng công ty với các bên liên quan; UBKT đánh giá các giao dịch này được thực hiện dựa trên nguyên tắc minh bạch, giao dịch độc lập, hợp lý, theo các điều khoản thương mại thông thường và vì lợi ích tối đa của Tổng công ty; Đồng thời, tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của Tổng công ty về trình tự thủ tục phê duyệt/thông qua, công bố thông tin đầy đủ và chính xác.

4. Giám sát về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

- UBKT rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ dựa vào báo cáo kiểm toán của Bộ phận Kiểm toán nội bộ. Các kiến nghị của KTNB chủ trọng đề xuất cải thiện một số hoạt động kiểm soát nội bộ để hoạt động kinh doanh của Tổng công ty được đảm bảo tuân thủ với quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty và đạt hiệu quả cao.

- Trong năm 2025, Tổng công ty từng bước hoàn thiện mô hình quản trị theo các nguyên tắc quản trị tốt và tiệm cận thông lệ điển hình; điều chỉnh cơ cấu tổ chức trong đó thành lập mới Phòng Công nghệ thông tin; tăng cường quản trị các rủi ro trọng yếu như rủi ro pháp lý, rủi ro thương hiệu, rủi ro về thị trường... trong đó đặc biệt lưu ý tới rủi ro tỷ giá - yếu tố có tác động trực tiếp đến giá vốn, biên lợi nhuận và hiệu quả tài chính.

5. Giám sát về hoạt động của Kiểm toán nội bộ

- KTNB tiếp tục là tầng phòng vệ hiệu quả trong hệ thống quản trị rủi ro của Tổng công ty. UBKT luôn giám sát và hỗ trợ KTNB để có đủ điều kiện và nguồn lực cần thiết để thực hiện công việc, đảm bảo KTNB hoạt động một cách độc lập và khách quan, tối ưu chất lượng và hiệu quả của KTNB. Quy chế tổ chức hoạt động, phương pháp tiếp cận, thủ tục kiểm toán đã được xây dựng đảm bảo phù hợp theo với các chuẩn mực, hướng dẫn và quy định của pháp luật.

- Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm được lập theo nguyên tắc định hướng rủi ro, bám sát các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Tổng công ty. KTNB đã tham vấn ý kiến và trao đổi với Ban Điều hành trước khi lập kế hoạch và trình HĐQT phê duyệt.

- KTNB duy trì tốt việc trao đổi thường xuyên, liên tục với các phòng/bộ phận, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và với UBKT trong quá trình cung cấp dịch vụ, thống nhất và phát hành báo cáo. Sự phối hợp giữa Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán trong quản lý đã giúp Kiểm toán nội bộ phát huy tốt vai trò của mình.

- Kết thúc năm tài chính 2025, KTNB đã hoàn thành kế hoạch theo thời gian và nguồn lực dự kiến. Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ thường xuyên đưa ra các khuyến nghị để hỗ trợ Tổng công ty, các công ty con điều chỉnh, bổ sung các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát và quản lý rủi ro.

6. Về dịch vụ kiểm toán độc lập

- Kế hoạch và thực hiện kiểm toán 2025 của Công ty TNHH Ernst&Young là phù hợp với yêu cầu của Tổng công ty, đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập.

- UBKT đánh giá Công ty TNHH Ernst & Young đã hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm theo hợp đồng đã ký. Kết quả kiểm toán cho thấy Báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập đảm bảo độ tin cậy, trung thực và tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, không có sai sót trọng yếu hay dấu hiệu bất thường, đồng thời đáp ứng các yêu cầu công bố thông tin tài chính được soát xét, kiểm toán đối với công ty đại chúng. của báo cáo tài chính mà Công ty đã cung cấp.

7. Hoạt động giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban điều hành; Sự phối hợp giữa UBKT với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông

- UBKT thực hiện giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính và các vấn đề quản trị của Tổng công ty đảm bảo tính tuân thủ theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ thông qua các cuộc họp, trao đổi, thảo luận, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT, việc chấp hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

- Hoạt động giám sát của UBKT được triển khai đa dạng qua các kênh báo cáo, thảo luận và trao đổi với HĐQT, qua làm việc với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ cũng như kiểm toán độc lập.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban Kiểm toán luôn phối hợp và nhận được sự hỗ trợ tốt của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành, các cán bộ quản lý liên quan để hoàn thành nhiệm vụ.

- Trong năm 2025, UBKT đã tích cực phối hợp với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ, tuân thủ theo Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, Điều lệ, các quy chế/quy định nội bộ của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

III. Định hướng hoạt động của UBKT năm 2026



Trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ của HĐQT, định hướng các hoạt động trọng tâm của UBKT trong năm 2026 như sau:

- Thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành trong công tác quản trị, điều hành Tổng công ty, bảo đảm phù hợp với Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;

- Giám sát công tác lập và công bố báo cáo tài chính: rà soát báo cáo tài chính định kỳ; phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập trong công tác soát xét báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2026.

- Giám sát đối với các giao dịch với bên liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và ngăn ngừa xung đột lợi ích.

- Tăng cường phối hợp giữa UBKT với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và các bộ phận chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả giám sát và thúc đẩy quản trị minh bạch, chuyên nghiệp trong toàn Tổng công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT
CHỦ TỊCH UBKT



[Signature]
Đỗ Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v cập nhật, sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh
Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025;
- Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06/4/2016, sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 44/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2024;
- Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ - TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật có liên quan một số ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký trước đây của Tổng công ty không còn phù hợp, cụ thể: Mã ngành 4669, 7490, 7210, 8532 và 8560 bị bãi bỏ hoàn toàn; Mã ngành 4649, 2100, 4772, 4932, 4933, 8299 được điều chỉnh.

Để phù hợp với hệ thống mã ngành kinh tế Việt Nam hiện hành và đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP, cụ thể như sau:

TT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	Mã ngành: 4649 (Chính) Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Doanh nghiệp bán buôn thuốc; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người)</i>	Mã ngành: 4649 (Chính) Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết:</i> <i>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế</i> <i>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người)</i>	Căn cứ Điều 6, Điều 33 Luật Dược 105/2016/QH13. Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ - TTg.
2	Mã ngành: 2100 Sản xuất thuốc, hoá dược và dược	Mã ngành: 2100 Sản xuất thuốc, hoá dược và dược	Căn cứ Điều 15, Điều 33 Luật Dược

TT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	liệu <i>Chi tiết: doanh nghiệp sản xuất thuốc</i>	liệu <i>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dược liệu cơ bản và các chế phẩm dược, sản xuất sản phẩm thuốc và hóa dược</i>	105/2016/QH13; Điều 19 Nghị định 163/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược. Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ – TTg.
4	Mã ngành: 4666 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm)</i>	Mã ngành: 4679 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)</i>	Căn cứ Điều 3, Điều 9, Điều 11 Luật Hóa chất số 69/2025/QH15. Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ – TTg.
	Mã ngành: 4772 Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Các loại hình cơ sở bán lẻ thuốc</i>	Mã ngành: 4772 Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh <i>Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế</i>	Căn cứ Điều 31, Điều 32, Điều 33 Luật Dược 105/2016/QH15 Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ – TTg.
	Mã ngành: 4932 Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô</i>	Mã ngành: 4932 Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;</i> - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Cho thuê xe chở khách có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.	Căn cứ theo Điều 4, Điều 6, Điều 7 Nghị định 158/2024/NĐ-CP Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ – TTg.
	Mã ngành: 4933 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô</i>	Mã ngành: 4933 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết:</i> - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ - TTg.
	Mã ngành: 8299	Mã ngành: 8299	Điều 28 Luật Thương Mại

TT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng</i></p>	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng công ty kinh doanh. (trừ đấu giá)</i></p> <p>Bổ sung Mã ngành: 7120 Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p>	<p>Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ – TTg.</p>
	<p>Mã ngành: 8532 Giáo dục nghề nghiệp</p>	<p>Mã ngành: 8559 Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</i> - <i>Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</i> - <i>Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém;</i> - <i>Các khóa học về phê bình, đánh giá chuyên môn;</i> - <i>Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</i> - <i>Dạy đọc nhanh;</i> - <i>Dạy về tôn giáo;</i> - <i>Các khóa học về chăm sóc sức khỏe;</i> - <i>Các khóa học may vá;</i> - <i>Các khóa học về thư giãn;</i> - <i>Các khóa học về cuộc sống gia đình, ví dụ như khóa học về cha mẹ và con cái,..</i> - <i>Dạy máy tính;</i> - <i>Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</i> - <i>Đào tạo về sự sống...</i> 	<p>Phụ lục I, II Quyết định 36/2025/QĐ – TTg không có mã ngành 8532</p>
	<p>Mã ngành 7490: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ</i></p>	<p>Mã ngành: 7499. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Các dịch vụ đa dạng phục vụ khách hàng tiêu dùng. Gồm những hoạt động có kỹ năng chuyên môn, khoa học và công nghệ:</i> 	<p>Phụ lục I, II kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ - TTg</p>

TT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		- Tư vấn về công nghệ khác	
	Mã ngành: 7210 Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Dịch vụ nghiên cứu tương đương sinh học; dịch vụ thử nghiệm lâm sàng và tiền lâm sàng	Mã ngành: 7213 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ – TTg.
	Mã ngành: 4933 Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	Mã ngành: 4933 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	Điều 8 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ – TTg.
	Mã ngành: 8560 Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	Mã ngành: 8569 Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Hoạt động tư vấn liên quan đến nghề nghiệp và việc làm; - Hoạt động đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Hoạt động đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Hoạt động khảo thí trong giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh; - Kiểm tra và thử nghiệm các ngành nghề được quy định, ví dụ như phi công; - Phát triển chương trình giảng dạy; - Hoạt động chuyên môn và phục hồi năng lực đánh giá khả năng học tập.	Phụ lục I, II Danh mục ngành kinh tế Việt Nam kèm theo Quyết định 35/2025/QĐ – TTg.

2. Các mã ngành, ngành nghề kinh doanh khác quy định tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ không bị sửa đổi, bổ sung như nêu tại mục 1 nói trên vẫn được giữ nguyên.

3. Giao Tổng Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP thực hiện các thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chỉnh sửa từ ngữ đối với ngành nghề kinh doanh, mã ngành kinh doanh mà không làm thay đổi bản

chất của nội dung ngành nghề kinh doanh thì Đại hội đồng cổ đông cho phép Tổng Giám đốc thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Đinh Xuân Hân



TỜ TRÌNH

V/v dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;

- Căn cứ Nghị quyết 1656/NQ - UBTWQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định 245/2025/NĐ - CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ - TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng,

Nhằm đảm bảo việc tuân thủ quy định của pháp luật và nhu cầu điều hành công việc của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

1. Phương án sửa đổi một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

2. Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh quy định tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Tổng công ty theo Quyết định 36/2025/QĐ - TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan.

Quý cổ đông vui lòng xem các nội dung sửa đổi chi tiết Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty trong các tài liệu kèm theo.

Tài liệu kèm theo:

1. Phụ lục: Tóm lược các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;

2. Dự thảo Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;
3. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.
4. Dự thảo Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đinh Xuân Hân

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2026

TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
I	ĐIỀU LỆ			
1	Điều 1, Khoản 1	c. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022	"Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và <u>Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025</u>	Cập nhật thông tin văn bản sửa đổi, bổ sung
		d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.	d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; <u>được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024.</u>	Cập nhật thông tin văn bản sửa đổi, bổ sung
2	Điều 2 Khoản 3	Địa chỉ trụ sở chính: Số 12, Phố Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Địa chỉ trụ sở chính: Số 12, Phố Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, <u>TP.</u> Hà Nội, Việt Nam	Cập nhật địa chỉ do thay đổi địa giới hành chính theo Nghị quyết 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
3	Khoản 1 Điều 4		Cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số mã ngành, nội dung ngành kinh doanh phù hợp quy định tại Quyết định 36/2025/QĐ - TTg và quy định pháp luật	

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
			liên quan. Chi tiết nêu tại Tờ trình cập nhật, sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.	
4	Điều 13 Khoản 3	Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.	Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản <u>và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
5	Khoản 4 Điều 13	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4a Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 20 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15
6	Khoản 2 Điều 14	<p>ơ. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>ơ. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>ơ. Chấp thuận một trong các giao dịch:</p> <p>ơ1. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Tổng công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của</p>	Điều chỉnh để thống nhất về giá trị hợp đồng, giao dịch ký giữa Tổng công ty với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp quy định tại Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ - CP.

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
			<p>công ty đại chúng quy định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ - CP) là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, thì thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 41 Điều lệ.</p> <p>ơ2. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>ơ3. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản giữa Tổng công ty với cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.</p>	
7	Khoản 3 Điều 25	3.1. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3.1. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Hội đồng quản trị có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành.</p>	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ - CP

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
8	Khoản 2 Điều 26	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm j Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm j Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.</p>	Điều chỉnh dẫn chiếu do Điều 14 không có điểm j
9	Khoản 6 Điều 41	<p>6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của</p>	<p>6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) <u>hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm</u></p>	Điều chỉnh tương ứng, đảm bảo thống nhất quy định tại Khoản 2 Điều 14

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
		<p>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	
III	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY			
1	Căn cứ	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một	Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung một	Cập nhật thông tin văn bản sửa đổi, bổ sung

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
		số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022	số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và <u>Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025</u>	
		Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; <u>Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP</u>	Cập nhật thông tin văn bản sửa đổi, bổ sung
2	Khoản 3 Điều 6	3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 1 Điều này thì chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 1 Điều này thì chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội, <u>người triệu tập Đại hội</u> phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
3	Khoản 2 Điều 20	2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Hội đồng quản trị có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 80 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ - CP
4	Điều 28	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử	Điều chỉnh thống nhất với quy định tại Điều 22 Điều lệ

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
		<p>từ khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	<p>khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	
III QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Căn cứ	<p>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022</p>	<p>Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và <u>Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025</u></p>	Cập nhật thông tin văn bản sửa đổi, bổ sung
		<p>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019</p>	<p>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, <u>được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024</u></p>	Cập nhật thông tin văn bản sửa đổi, bổ sung
		<p>Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi</p>	<p>Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi</p>	

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
		tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; <u>Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP</u>	
2	Khoản 1 Điều 2	h. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	h. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử quy định tại Phụ lục I Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty	Sửa đổi theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty
3	Khoản 1 Điều 6	1. Hội đồng quản trị gồm năm (05) thành viên	1. Hội đồng quản trị gồm năm (05) thành viên, <u>trong đó có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành.</u>	Điều chỉnh theo quy định tại khoản 80 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ - CP
4	Khoản 1 Điều 13	1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;	1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch <u>giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</u> có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ	Thống nhất cách thức diễn đạt với quy định tại Điều lệ

TT	ĐIỀU/KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	LÝ DO/CĂN CỨ ĐỀ XUẤT
		- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp	phân phối thông của Công ty và những người có liên quan của họ; Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp	
5	Khoản 6 Điều 16	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là bảy (07) ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty
6	Khoản 1 Điều 17	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây: 3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài Anh , có các nội dung chủ yếu sau đây: 3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Điều chỉnh thống nhất với quy định tại Điều 22 Điều lệ

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP
12 Ngô Tất Tố, P.Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP.Hà Nội

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP

Hà Nội, tháng năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.	6
ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	6
CHƯƠNG II.....	7
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY.....	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.....	8
CHƯƠNG III.	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty.....	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty	11
CHƯƠNG IV.	11
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	11
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	12
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	12
CHƯƠNG V.....	12
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	12
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
CHƯƠNG VI.	12
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	15

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	18
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đồng.....	19
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng.....	21
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua ..	23
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
CHƯƠNG VII.....	26
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Cuộc họp Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	33
CHƯƠNG VIII.	33
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	33

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	35
Điều 37. Thành phần Ủy ban kiểm toán.....	35
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	36
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	36
CHƯƠNG X.	37
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	37
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
CHƯƠNG XI.	39
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	39
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	39
CHƯƠNG XII.....	40
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	40
CHƯƠNG XIII.	40
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	40
CHƯƠNG XIV.....	41
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN....	41
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 47. Năm tài chính	41
Điều 48. Chế độ kế toán	41
CHƯƠNG XV.	42
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	42
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	42

CHƯƠNG XVI.....	42
KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	42
Điều 51. Kiểm toán	42
CHƯƠNG XVII.	42
DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY	42
Điều 52. Dấu của Tổng công ty	42
CHƯƠNG XVIII.	43
GIẢI THỂ.....	43
Điều 53. Giải thể.....	43
Điều 54. Thanh lý	43
CHƯƠNG XIX.....	44
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	44
CHƯƠNG XX.	44
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty	44
CHƯƠNG XXI.....	44
NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Tổng công ty, một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Tổng công ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Điều lệ này gồm 21 Chương, 57 Điều được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP tổ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 2025;

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Vốn có quyền biểu quyết" là số cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025;

d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;

đ. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Tổng công ty" là Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;

g. "Người điều hành Tổng công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

m. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

n. "Chi nhánh" là đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Tổng công ty, bao gồm cả chức năng đại diện

theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty;

o. “Văn phòng đại diện” là đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Tổng công ty và bảo vệ các lợi ích đó. Văn phòng đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của Tổng công ty;

ơ. “Công ty con” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Tổng công ty sở hữu trên năm mươi (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Tổng công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó;

ô. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên công ty

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP**

- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: **VIETNAM PHARMACEUTICAL CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY**

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM**

- Tên công ty viết tắt: **VINAPHARM**

- Biểu trưng (logo):



2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 12, Phố Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, TP. Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: +8424 3 8443151

- Fax: +8424 3 8443665

- E-mail: vinapharm@vinapharm.com.vn

- Website: <http://www.vinapharm.com.vn>

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 53 của Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.

Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có trách nhiệm:

3.1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty;

3.2. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

3.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

CHƯƠNG III.

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	<i>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người)</i>	<i>4649 (Chính)</i>
2.	<i>Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);</i>	<i>2023</i>
3.	<i>Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu</i>	<i>2100</i>

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dược liệu cơ bản và các chế phẩm dược, sản xuất sản phẩm thuốc và hóa dược</i>	
4.	<i>Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm; Chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;</i>	1079
5.	<i>Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa</i>	1702
6.	<i>In ấn</i>	1811
7.	<i>Dịch vụ liên quan đến in</i>	1812
8.	<i>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);</i>	4679
9.	<i>Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế</i>	4772
10.	<i>Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</i>	3250
11.	<i>Bán buôn thực phẩm chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng;</i>	4632
12.	<i>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;</i>	4659
13.	<i>Vận tải hành khách đường bộ khác chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Cho thuê xe chở khách có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.</i>	4932
14.	<i>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;</i>	4933
15.	<i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</i>	8299

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>chi tiết: Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng</i>	
16.	<i>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</i>	7120
17.	<i>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</i>	8532
18.	<i>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh bất động sản;</i>	6810
19.	<i>Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)</i>	7310
20.	<i>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ đa dạng phục vụ khách hàng tiêu dùng. Gồm những hoạt động có kỹ năng chuyên môn, khoa học và công nghệ: - Tư vấn về công nghệ khác.</i>	7799
21.	<i>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên</i>	7211
22.	<i>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên ;</i>	7213
23.	<i>Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa</i>	8620
24.	<i>Vận tải hàng hoá bằng đường bộ</i>	4933
25.	<i>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</i>	5210
26.	<i>Hoạt động hỗ trợ giáo dục</i>	8569
27.	<i>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</i>	8230
28.	<i>Bán buôn tổng hợp</i>	4690

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu liên quan đến dược phẩm, thiết bị y tế, chăm sóc sức khỏe và các hoạt động liên quan đến bất động sản nhằm: (i) Tối đa hóa lợi nhuận của Tổng công ty cho các Cổ đông; (ii) Nâng cao giá trị Tổng công ty; (iii) Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác; (iv) Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; (v) Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước theo các quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

CHƯƠNG IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 2.370.000.000.000 đồng (*Hai nghìn ba trăm bảy mươi tỷ đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 237.000.000 (Hai trăm ba mươi bảy triệu) cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần phổ thông.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần của Tổng công ty được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ đông sáng lập: Tổng công ty không có cổ đông sáng lập khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát

hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Tổng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị; Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;
 - đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; Yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - e. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;
 - i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - k. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
 - m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;
 - c. Yêu cầu kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

4. Tổ chức là cổ đông Tổng công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa năm (05) người đại diện theo ủy quyền đại diện quản lý phần vốn của tổ chức tại Tổng công ty. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền.

Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết

định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Trường hợp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính quý hoặc năm bị mất từ 20% trở lên so với đầu kỳ;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4a Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

c. Thủ tục đề tổ chức họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

f. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

b. Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán;

đ. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

e. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị;

h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

ô. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

ơ. Chấp thuận một trong các giao dịch sau:

ơ1. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Tổng công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của công ty đại chúng quy định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ - CP) là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, thì thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 41 Điều lệ.

ơ2. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ

ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

ơ3. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản giữa Tổng công ty với cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

p. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên

của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi các quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch/niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp từ chối kiến nghị, chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối kiến nghị.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng nội dung trong chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành hay số phiếu không có ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Người triệu tập hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

c. Có người cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

10. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
- d. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- đ. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

2. Ngoại trừ các vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều này, Khoản 3, 4 và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thủ tục thông qua nghị quyết vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 20 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; Việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
- e. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới

50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ học vấn, kinh nghiệm cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả; Có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty;
- c. Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty;
- d. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm năm (05) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:
 - 3.1. Hội đồng quản trị có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - 3.2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 14 Điều lệ này;

i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Người điều hành khác; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý, Người điều hành đó; Cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; Yêu cầu phá sản Tổng công ty;

n. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty; Quyết định ban hành Quy chế hoạt

động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

ô. Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

ơ. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty;

q. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;

r. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty;

s. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

t. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

u. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.

ư. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản

trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, lương, thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có).

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Các đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ

chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, thư, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 9 Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức tại Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc khác để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm

thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp; Người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Kiến nghị số lượng và Người điều hành Tổng công ty mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Tổng công ty để Hội đồng quản trị quyết định;

g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

h. Tuyển dụng lao động;

i. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX.

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Tổng công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý, điều hành khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Tổng công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
- c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tổng công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Tổng công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
- h) Các nội dung khác (nếu có).

CHƯƠNG X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Giao dịch với người có liên quan

7.1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Tổng công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty.

7.2. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

7.3. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tổng công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

7.4. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a. Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 6 Điều này;

b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.

7.5. Tổng công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Tổng công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

b. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của Tổng công ty gần thời điểm giao dịch nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả chi phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI.

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, hợp đồng/giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII.

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp

mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan về tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp, chính xác của các số liệu và các thông tin nêu tại báo cáo tài chính.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI.

KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và giao Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVII.

DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 52. Dấu của Tổng công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Lưu giữ: Tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc theo quyết định của Người đại diện theo pháp luật.

CHƯƠNG XVIII.

GIẢI THỂ

Điều 53. Giải thể

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG XXI.

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

TỔNG GIÁM ĐỐC

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;

- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP,

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 23/4/2026,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Mục đích: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Quy chế”) đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm mục đích:

1.1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

1.2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông và những người có liên quan;

1.3. Thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo hiệu quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các Người quản lý khác của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

1.4. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

1.5. Đảm bảo Tổng công ty hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung chủ yếu sau:

2.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

2.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;

2.3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

2.4. Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. “Tổng công ty”: Là Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

b. “Điều lệ”: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty thông qua tùy từng thời điểm.

c. “Cổ đông”: Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

d. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “Đại hội”: Là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

đ. “Người có liên quan”: Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

e. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

f. "Người quản lý Tổng công ty": Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

g. "Người điều hành Tổng công ty" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

h. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử quy định tại Phụ lục I Quy chế này.

i. "Bỏ phiếu truyền thống" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ và Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Hội đồng quản trị họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình Đại hội trong thời hạn quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:

a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

b. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

c. Chuẩn bị nội dung, chương trình Đại hội.

d. Chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.

e. Thông báo và gửi thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ

đồng có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch/niêm yết. Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được Hội đồng quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Điều lệ;
- d. Trường hợp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính quý hoặc năm bị mất từ 20% trở lên so với đầu kỳ;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều này;

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 6. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ lập văn bản kiến nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 1 Điều này;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 1 Điều này thì chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội, người triệu tập Đại hội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Tổng công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản này phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 8. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Trường hợp biểu quyết theo phương thức truyền thống, khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành hay số phiếu không có ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không thay đổi.
4. Những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và thủ tục thông qua nghị quyết vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
- d. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- đ. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

3. Ngoại trừ các trường hợp nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

1.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- đ. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- e. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- h. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 13. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng công ty theo các quy định hiện hành.

2. Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và tùy thuộc tình hình và điều kiện thực tế của Tổng công ty. Trình tự, thủ tục được thực hiện theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm Quy chế này.

Điều 15. Bỏ phiếu điện tử

1. Việc bỏ phiếu điện tử của các cổ đông được thực hiện tại các đợt thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Chi tiết quy định về việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm Quy chế này.

Điều 16. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng công ty trong năm tài chính;
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công

ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có);

- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với các Người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 17. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
- c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tổng công ty;
- d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Tổng công ty;
- e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty;
- g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
- h. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 18. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 20 Điều lệ.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ và Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm năm (05) thành viên.

2. Hội đồng quản trị có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Điều 21. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng quản trị:

a. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp đã xác định được ứng viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
- e. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 22. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Tổng công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 23. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 25. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị bằng văn bản một trong các trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có);

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức họp được quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 7 Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

6. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 26. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

Điều 27. Biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có một (01) phiếu biểu quyết; Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 42 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Việc kê khai này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Điều 28. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

2. Biên bản và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 29. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Trường hợp cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan đến nội dung xin ý kiến phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày hết hạn trên Phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ những trường hợp khẩn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đúng hạn. Phiếu lấy ý kiến không được gửi lại hoặc gửi lại không đúng hạn được coi là không tham gia biểu quyết.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm kiểm phiếu và lập Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị. Biên bản cần nêu rõ các nội dung cần lấy ý kiến, các vấn đề được thông qua, số phiếu đồng ý, không đồng ý và có ý kiến khác hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề, họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Tổng công ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan đến các vấn đề xin ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

6. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 30. Công bố thông tin về nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc công bố thông tin nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán

và thị trường chứng khoán.

Điều 31. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 32. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức tại Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Nhiệm kỳ của tiểu ban theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Tiêu chuẩn thành viên tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn cụ thể của thành viên tiểu ban được quy định chi tiết tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban đó, tuy nhiên cơ bản phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có bằng đại học, có chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng làm việc trong lĩnh vực của tiểu ban phụ trách;
- b. Có bằng cấp, chứng chỉ trong trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật;
- c. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Trưởng tiểu ban ngoài các điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều này phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Điều 34. Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của Tiểu ban

1. Nguyên tắc hoạt động

a. Các quyết định của Tiểu ban được thông qua theo nguyên tắc đa số. Việc biểu quyết có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thực hiện qua các phương tiện điện tử phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

b. Các quyết định của Tiểu ban phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

c. Các hoạt động của Tiểu ban phải bảo vệ, nâng cao tối đa quyền và lợi ích của Tổng công ty.

2. Trách nhiệm của Tiểu ban

- a. Tham mưu, tư vấn, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong lĩnh vực được phân công, trong việc xây dựng hệ thống quản trị điều hành Tổng công ty.
- b. Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- c. Xây dựng cơ cấu tổ chức, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ hợp lý giữa các thành viên trong tiểu ban; Phối hợp với các tiểu ban, Người điều hành, các Phòng/Trung tâm của Tổng công ty để hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.
- d. Kịp thời cập nhật kiến thức, tình hình thực tế trong lĩnh vực phụ trách theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị để thông báo tới Người điều hành, các Phòng/Trung tâm của Tổng công ty nhằm hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng công việc, phòng ngừa rủi ro.
- đ. Báo cáo về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ cụ thể định kỳ và bất thường theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- e. Các trách nhiệm khác quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban.

Điều 35. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Người điều hành

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và điều kiện làm Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:
 - a. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - b. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
 - c. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 05 năm trở lên;
 - d. Do Tổng Giám đốc lựa chọn và giới thiệu với Hội đồng quản trị.
3. Người điều hành khác:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành quy định của pháp luật và của Tổng công ty;
 - c) Là người có trình độ chuyên môn, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công. Các tiêu chuẩn cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ vị trí Tổng Giám đốc) do Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 37. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành

1. Bổ nhiệm Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc người khác làm Tổng Giám đốc trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 của

Quy chế này.

2. Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

- Tổng Giám đốc có quyền giới thiệu để Hội đồng quản trị bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

- Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Trường hợp ứng viên được trên 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua thì Hội đồng quản trị ra Nghị quyết bổ nhiệm vị trí đã biểu quyết.

Điều 38. Nhiệm kỳ của các chức danh Người điều hành Tổng công ty.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong Tổng công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối đa là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 39. Bổ nhiệm lại chức vụ của Người điều hành Tổng công ty.

1. Khi Người điều hành kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Việc bổ nhiệm lại được thực hiện căn cứ vào hiệu quả công việc của nhiệm kỳ trước của Người điều hành đó.

Điều 40. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành Tổng công ty

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người điều hành Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho Người điều hành nêu tại khoản 1 Điều 37 Quy chế này. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với các Người điều hành khác.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn và các nội dung khác theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn một (01) tháng kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

d. Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội

đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 42. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Tổng công ty

Việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành được thực hiện trong nội bộ Tổng công ty và theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị.
2. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - b. Là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liên trước đó.
2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 45. Ứng cử, đề cử và bầu thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Tổng công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Tổng công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Tổng công ty.
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty.
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.

7. Giám sát nhằm bảo đảm Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Tổng công ty.

8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Tổng công ty.

12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

CHƯƠNG VI

QUY TRÌNH THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền lợi, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Giám đốc với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty được quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, không bao gồm những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc có thể phân cấp/ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc quyết định, ký kết các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật.

3. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

4. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà

nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc huỷ bỏ thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

6. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả của từng kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

Điều 48. Mọi quan hệ trong thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể mời thành viên Ban Tổng Giám đốc tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên này được quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho Tổng giám đốc để thực hiện.

Điều 49. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

2. Tổng Giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

2.1. Thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị trong Tổng công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

2.2. Chủ tịch ủy ban trực thuộc HĐQT yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử (email) đối với các nội dung mà ủy ban đã thông qua rằng Tổng Giám đốc phải cung cấp. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo bằng văn bản.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt, quyết định của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty do Tổng Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ thời điểm HĐQT nhận được đề xuất hoặc một thời điểm khác theo thỏa thuận.

Điều 50. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

1. Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi công việc và thông tin, hỗ trợ và tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mỗi bên theo đúng quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi bên.

3. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất hai mươi tư (24) giờ.

Đối với các thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của các ủy ban, tiểu ban HĐQT phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ.

Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ủy ban kiểm toán phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

4. HĐQT, các thành viên HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 51. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, các Người điều hành khác.

2. Nguyên tắc đánh giá: Khách quan, trung thực, công bằng. Bằng chứng của kết quả đánh giá phải được gửi đến thành viên liên quan.

3. Kết quả đánh giá phải được lưu lại và làm cơ sở cho lần đánh giá kế tiếp.

4. Tiêu chí đánh giá thành viên Hội đồng quản trị

- Số lần tham dự các kỳ họp định kỳ và bất thường.
- Mức độ hoàn thành công việc theo phân công.
- Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có).

5. Tiêu chí đánh giá Tổng giám đốc và Người điều hành khác

- Kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Hiệu quả điều hành, quản trị.
- Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có).

Điều 52. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá, Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị và đề xuất khen thưởng thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Hình thức khen thưởng

a. Bằng tiền.

b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Tổng công ty và nguồn khác phù hợp quy định của pháp luật.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 53. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 54. Báo cáo và công bố thông tin

Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật và quy trình công bố thông tin của Tổng công ty.

CHƯƠNG IX

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

Điều 55. Công ty mẹ - Công ty con

1. Tổng công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;

b. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;

c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

2. Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào Tổng công ty. Các công ty con của Tổng công ty không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

3. Các công ty con của Tổng công ty không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 56. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng công ty đối với công ty con

1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Mọi quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Tổng công ty và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập.

3. Trường hợp Tổng công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

4. Người quản lý Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này phải liên đới cùng Tổng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

5. Trường hợp Tổng công ty không đền bù cho công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 01% vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh công ty con yêu cầu Tổng công ty đền bù thiệt hại cho công ty con.

6. Trường hợp hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác của Tổng công ty thì công ty con được hưởng lợi phải liên đới cùng Tổng công ty hoàn trả khoản lợi được hưởng cho công ty con bị thiệt hại.

Điều 57. Báo cáo tài chính của công ty mẹ, công ty con

1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty mẹ - Tổng công ty còn phải lập các báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ theo quy định của pháp luật về kế toán;
- b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của công ty mẹ và công ty con;
- c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con.

2. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con.

3. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của Tổng công ty sử dụng báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.

4. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của công ty con. Trong trường hợp người quản lý Tổng công ty đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định từ công ty con thì người quản lý công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.

5. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ, công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty mẹ. Bản sao của báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải được lưu giữ tại chi nhánh của công ty mẹ tại Việt Nam.

6. Ngoài báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty con còn phải lập báo cáo tổng hợp về mua, bán và giao dịch khác với công ty mẹ.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này thì áp dụng quy định tại Điều lệ và các quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp pháp luật có sự điều chỉnh, thay đổi nội dung liên quan hoặc pháp luật điều chỉnh những nội dung chưa quy định tại Quy chế này thì áp dụng những quy định pháp luật đó.

Điều 59. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 23/4/2026. Các bản sao, trích lục Quy chế này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của ½ số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Người điều hành khác, các Phòng/Bộ phận và người lao động Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đinh Xuân Hân

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP ngày 23/4/2026,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP, bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP ("**Quy chế**") quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

- Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - "Tổng công ty": Là Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.
 - "Điều lệ": Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty thông qua tùy từng thời điểm.
 - "Cổ đông": Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

- d. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “Đại hội”: Là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
- đ. “Người có liên quan”: Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
- e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- f. “Cán bộ quản lý Tổng công ty”: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
- g. “Cán bộ điều hành Tổng công ty” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- h. “Bỏ phiếu điện tử” là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử quy định tại Phụ lục I Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty
- i. “Bỏ phiếu truyền thống” là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn

điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Cán bộ điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm năm (05) thành viên, trong đó có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại quá 05 công ty khác;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần

có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
- d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 7 Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc

họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ, quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong

vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP và các quy chế cụ thể của tiểu ban.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Cán bộ điều hành khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác theo quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc công bố thông tin nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian, địa điểm họp;

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty.

2. Báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm

bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và các Cán bộ điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 23. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

Những nội dung chưa đề cập trong Quy chế này thì căn cứ vào Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp quy định tại Quy chế này khác với quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì áp dụng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đinh Xuân Hân

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 20/TTr - HĐQT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP năm 2025 đã kiểm toán,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Các Báo cáo tài chính năm 2025 (riêng và hợp nhất) đã kiểm toán của Tổng công ty đã được đăng tải trên website của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Các phòng: KTNB, KHĐT, TCKT;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đinh Xuân Hân

TỜ TRÌNH**V/v: Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị năm 2025 và thông qua kế hoạch năm 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 báo cáo về thù lao của HĐQT năm 2025 và thông qua kế hoạch thù lao HĐQT năm 2026 như sau:

I. Thù lao, tiền thưởng HĐQT năm 2025

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP thông qua ngày 21/4/2025;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về tình hình thực hiện thù lao của HĐQT năm 2025 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Số lượng (Người)	Thù lao/năm (Đồng)
1	Phó Chủ tịch HĐQT	01	180.000.000
2	Thành viên độc lập HĐQT	01	180.000.000
3	Thành viên HĐQT (bao gồm cả thành viên HĐQT điều hành và thành viên HĐQT không điều hành)	02	240.000.000
Tổng cộng			600.000.000

(Chi tiết về tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT được trình bày tại Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP)

II. Kế hoạch thù lao HĐQT năm 2026

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP xem xét, thông qua khung thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Số lượng (Người)	Thù lao/ người/tháng
1	Chủ tịch HĐQT	01	20.000.000
2	Thành viên độc lập HĐQT	01	17.000.000
3	Thành viên HĐQT (bao gồm: Phó Chủ tịch HĐQT ¹ , thành viên HĐQT điều hành và thành viên HĐQT không điều hành)	03	15.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Các phòng: KTNB, TCHC, TCKT;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'M.S.D.N: 0100109385-C.T.P.' at the top and 'THÀNH PHỐ HÀ NỘI' at the bottom. The inner circle contains the text 'TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM'. A handwritten signature in black ink is written across the center of the stamp.

Đinh Xuân Hấn

¹ Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 23/4/2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 (theo Báo cáo tài chính riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Căn cứ
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	274.574,4	
2	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	7.838,0	
3	Lũy kế LNST được phân phối	282.412,4	= (1) + (2)
4	Phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:		
4.1	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng của người quản lý công ty, trong đó	3.385,4	
4.1.1	Quỹ khen thưởng	1.341,4	
4.1.2	Quỹ phúc lợi	1.341,4	
4.1.3	Quỹ khen thưởng của người quản lý công ty	702,6	
4.2	Chia cổ tức 10%	237.000,0	
5	Lợi nhuận để lại chuyển năm sau	42.027,0	= (3) - (4.1) - (4.2)

- Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị quyết định danh sách chia thưởng cụ thể của Hội đồng quản trị.

- Ban Tổng Giám đốc quyết định danh sách chia thưởng cụ thể của Ban điều hành và cán bộ nhân viên.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 (theo Báo cáo tài chính riêng)

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính năm 2026, Tổng công ty xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Nguyên tắc
1	Trích Quỹ tiền thưởng, phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng của thành viên Ban điều hành, thành viên Hội đồng quản trị	Thực hiện theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025, Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025
2	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	Thực hiện theo Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2027 phê duyệt

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026, Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị quyết định việc tạm trích Quỹ tiền thưởng, phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng của Ban điều hành, Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Các phòng: KTNB, KHĐT, TCKT;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
DƯỢC
VIỆT NAM
Đinh Xuân Hán

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 của Tổng công ty như sau:

1. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để HĐQT lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

Lý do lựa chọn các công ty trên:

+ Đây là các hãng kiểm toán quốc tế hàng đầu tại Việt Nam hiện nay và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết;

+ Có nhiều kinh nghiệm trong việc kiểm toán các doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược;

+ Có năng lực hỗ trợ Tổng công ty trong việc cập nhật các chính sách, quy định mới về tài chính, kế toán, thuế; Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực lập và hợp nhất Báo cáo tài chính, cũng như hỗ trợ thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty và các công ty con.

2. Thông qua việc giao cho HĐQT lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 theo quy định hiện hành

Trong trường hợp đàm phán với các công ty kiểm toán trên không thành công, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh mục các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính, UBCKNN chấp thuận để thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Các phòng: KTNB, KHĐT, TCKT;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đinh Xuân Hán

TỜ TRÌNH

**V/v bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị
Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;

- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2021 - 2026 sẽ kết thúc nhiệm kỳ ngay khi HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031 được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 việc bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026 - 2031 gồm năm (05) thành viên, trong đó có tối thiểu một (01) thành viên độc lập HĐQT.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031 được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Lưu: VT.

